

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LƯU ĐÌNH TUẤN

**ÁP DỤNG CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG
TRONG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN
QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Luật Hình sự và tổ tụng hình sự

Mã số : 60 38 01 04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. ĐỖ ĐỨC HỒNG HÀ

Hà Nội, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu ghi trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Lưu Đình Tuấn

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ÁP DỤNG TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ.....	7
1.1. Một số vấn đề lý luận về trách nhiệm hình sự.....	7
1.2. Một số vấn đề lý luận về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.....	18
1.3. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 2015.....	27
Chương 2: CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015.....	33
2.1. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc yếu tố mặt khách quan của tội phạm.....	33
2.2. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc yếu tố mặt chủ quan của tội phạm.....	49
2.3. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc nhân thân người phạm tội.....	52
Chương 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG CÔNG TÁC XÉT XỬ TẠI QUẬN LONG BIÊN – THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ.....	59
3.1. Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.....	59
3.2. Một số kiến nghị nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.....	70
KẾT LUẬN.....	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	78

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
CTTP	Cầu thành tội phạm
HSPT	Hình sự phúc thẩm
HĐTP	Hội đồng thẩm phán
TAND	Toà án nhân dân
TNHS	Trách nhiệm hình sự
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong công cuộc đấu tranh, chống tội phạm, việc xác định trách nhiệm hình sự hợp lý đối với từng loại tội phạm được quy định và áp dụng đúng đắn đối với người phạm tội trong từng trường hợp cụ thể có ý nghĩa rất quan trọng, là cơ sở để thực hiện các nguyên tắc của luật hình sự, đặc biệt là nguyên tắc pháp chết, nguyên tắc nhân đạo, nguyên tắc công bằng và nguyên tắc cá thể hoá hình phạt trong quá trình áp dụng pháp luật vào thực tiễn. TNHS được quy định và áp dụng đối với người phạm tội tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau như tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các đặc điểm nhân thân người phạm tội, chính sách nhân đạo của nhà nước ta, nhu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong từng giai đoạn, thời kỳ. Trong các yếu tố đó, các tình tiết tăng nặng TNHS có vai trò rất quan trọng trong quyết định hình phạt đối với người phạm tội, vì nó giúp cho Tòa án có căn cứ pháp lý để phân hoá trách nhiệm hình sự và cá thể hoá hình phạt một người được công minh, có căn cứ và đúng pháp luật.

BLHS năm 1985, các tình tiết tăng nặng TNHS mới được ghi nhận chính thức như là chế định độc lập trong pháp luật hình sự. Đến khi pháp điển hoá pháp luật hình sự Việt Nam lần thứ hai với việc thông qua BLHS năm 1999, các quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS cũng đã được sửa đổi, bổ sung và tiếp tục hoàn thiện. Tuy nhiên, lần pháp hoá điển lần thứ hai này vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu về mặt lập pháp đối với chế định này, cũng như thực tiễn áp dụng nó. Chẳng hạn, cả hai BLHS năm 1985 và năm 1999 vẫn chưa đưa ra được định nghĩa pháp lý của khái niệm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, định nghĩa về khái niệm tình tiết định tội, tình tiết định khung. Mặt khác, trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự cho thấy những quy phạm của chế định này còn nhiều bất cập, một số quy định chưa chặt chẽ và thống nhất về nội dung, đặc biệt trong thực tiễn đời sống xã hội và thực tiễn pháp lý đang tồn tại nhiều trường hợp có thể áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS nhưng chưa được nhà làm luật Việt Nam ghi nhận và quy định trong BLHS.

Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu sâu sắc hơn nữa để làm sáng tỏ về mặt khoa học những vấn đề về các tình tiết tăng nặng TNHS và áp dụng các quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS trong thực tiễn, đồng thời đưa ra những giải pháp hoàn thiện góp phần nâng cao hiệu quả của các quy định đã nêu trong bối cảnh chúng ta đang tiến hành các bước pháp điển hoá luật hình sự. Không những có ý nghĩa lý luận thực tiễn và pháp lý quan trọng, mà còn là vấn đề mang tính cấp thiết. Đây chính là lý do luận chứng cho việc tác giả quyết định lựa chọn đề tài “Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam thực tiễn từ quận Long Biên, thành phố Hà Nội” làm đề tài luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Là một trong những chế định quan trọng, chế định các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự có liên quan mật thiết và chặt chẽ đến chế định hình phạt và nhiều chế định khác trong luật hình sự, chính vì vậy nó được ghi nhận trong pháp luật hình sự ở nhiều nước trên thế giới như: Liên Bang Nga, cộng hoà Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản; v.v.

Trong khoa học pháp lý hình sự nước ta, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đã được một số tác giả đề cập, phân tích trong một số giáo trình và sách tham khảo như: 1) Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần chung). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội; 1997; 2) Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung), tập thể tác giả do TSKH. Lê Cẩm chủ biên. NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2001 và 2003; 3) Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung). Tập thể tác giả do PGS. TS. Võ Khánh Vinh chủ biên. Đại học Huế. NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000. 4) Luận văn Thạc sĩ Luật học “Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Việt Nam” của tác giả Đặng Xuân Đào nghiên cứu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chung từ góc độ quyết định hình phạt. Ngoài ra cũng có một số các luận văn, bài viết của TS Trịnh Tiến Việt “Cấu thành tội phạm và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự”. Tìm hiểu về “Hình phạt và quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam” của thạc sĩ Đinh Văn Quế và Tiến sĩ Lê Văn Đệ. Các công trình đó đã làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản về khái niệm, nội dung, bản chất, mối quan hệ với các yếu tố khác của pháp luật và giải quyết nhiều vấn đề về mặt lý luận và thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giúp cho độc giả tiếp cận nắm rõ được

vấn đề mình quan tâm, nhưng các công trình này cũng chỉ nêu những vướng mắc cụ thể chứ chưa hệ thống hoá những bất cập, vướng mắc khi áp dụng quy định về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự vào thực tiễn xét xử.

Tóm lại, “Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam” tuy có nhiều tác giả nghiên cứu ở nhiều góc độ khác nhau thể hiện một phần ở các công trình chuyên khảo, luận văn cho đến những bài viết trên các tạp chí chuyên ngành nhưng vẫn chưa làm rõ các vấn đề pháp lý của nó, chưa hệ thống hoá những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng và chưa đưa ra những giải pháp toàn diện để hoàn thiện pháp luật cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Do vậy tiếp tục nghiên cứu quy định về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn thiện về mặt lý luận để đáp ứng yêu cầu thực tiễn xét xử của ngành Tòa án trong giai đoạn cải cách tư pháp hiện nay nói riêng cũng như của các cơ quan tiến hành tố tụng khác nói chung.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích của luận văn

Mục đích nghiên cứu của đề tài là làm sáng tỏ một cách có hệ thống những vấn đề lý luận và pháp luật về các tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định của Bộ luật; thực tiễn áp dụng các tình tiết đó của Tòa án, trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp hoàn thiện về việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS.

Để đạt được mục đích trên luận văn cần có nhiệm vụ

Trong quá trình nghiên cứu để đạt được mục đích trên, luận văn tập trung thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu sau:

Làm rõ những vấn đề lý luận và pháp luật cơ bản về tăng nặng TNHS.

Nghiên cứu thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội trong thời gian qua, so sánh, đối chiếu để làm rõ những bất cập, vướng mắc và nguyên nhân của nó;

Trên cơ sở phân tích những thiếu sót, bất cập và vướng mắc trong thực tiễn xét xử, đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của BLHS cũng như hướng dẫn áp dụng và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

Thực tiễn cho thấy rằng, khi áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan rất nhiều đến các chế định khác của luật hình sự: Hình phạt, quyết định hình phạt, căn cứ quyết định hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ TNHS..v.v.. Việc đề cập đến các vấn đề trên cũng chỉ nhằm mục đích giải quyết một cách có hệ thống và làm rõ hơn vấn đề của quy định về việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS. Do vậy, luận văn tập trung nghiên cứu các quy định của BLHS về các tình tiết tăng nặng TNHS, thực tiễn áp dụng quy định về tăng nặng TNHS

Phạm vi nghiên cứu

Các tình tiết tăng nặng TNHS là những chế định phức tạp có nhiều nội dung liên quan đến các chế định khác nhau trong BLHS như: Hình phạt, trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, tái phạm, tái phạm nguy hiểm, án treo.v.v...Phạm vi nghiên cứu của luận văn là nghiên cứu quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS dưới góc độ hình sự. Trong quá trình nghiên cứu tác giả có đề cập đến sự hình thành và phát triển của quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS nhưng chỉ để làm sáng tỏ vấn đề chứ không đi sâu các quy định đó, luận văn chỉ tập trung nghiên cứu quy định này từ khi có BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 và đặc biệt là BLHS 2015. Bên cạnh đó luận văn cũng tập trung nghiên cứu thực tiễn áp dụng quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS dưới góc độ luật hình sự của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Để đạt được những mục đích đã đặt ra trên cơ sở lý luận và phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, lý luận của chủ Nghĩa Mác –Lênin về nhà nước và pháp luật, về tội phạm học, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về nguyên tắc xử lý tội phạm. Phép duy vật biện chứng là phương pháp luận để nhận thức bản chất của tình tiết tăng nặng TNHS. Cặp phạm trù hình thức và nội dung, cái riêng và cái chung là cơ sở để lý giải một số vấn đề lý luận của đề tài như phân biệt hình phạt và TNHS, phân biệt các tình tiết tăng nặng TNHS với các tình tiết định tội, định khung hình phạt. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử được coi là cơ sở phương pháp luận để nhận thức các ảnh hưởng của điều kiện lịch sử đến các quy định của

pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng TNHS. Nhờ đó, người nghiên cứu làm rõ những nét đặc thù và giá trị kế thừa trong các quy định về tình tiết tăng nặng TNHS. Qua đó hình dung sự biến đổi biện chứng của chế định này trong lịch sử lập pháp hình sự của nước ta, cũng như trang bị cách tiếp cận biện chứng trong thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS. Trên cơ sở các phương pháp nghiên cứu khoa học đã được trang bị, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau đây: Phương pháp phân tích, so sánh, chứng minh, tổng hợp; Phương pháp lịch sử; Phương pháp thống kê.

Đối với phương pháp phân tích, so sánh, chứng minh, tổng hợp tác giả dùng để làm rõ các vấn đề pháp lý về các tình tiết tăng nặng TNHS, phân tích thực tiễn áp dụng, phân tích những bất cập, vướng mắc và đặt nó trong sự so sánh với các chế định khác có liên quan đến quyết định hình phạt. Phương pháp lịch sử tác giả vận dụng nhằm phân tích, đánh giá sự kế thừa và phát triển quy định về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Phương pháp thống kê tác giả sử dụng để thống kê các vụ án hình sự có áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, từ đó có những nhận xét đánh giá thực tiễn áp dụng và đưa ra những kiến nghị.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng của luận văn là ở chỗ tác giả đã làm rõ khái niệm, bản chất pháp lý và các đặc điểm cơ bản của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nội dung và điều kiện áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS trên cơ sở xem xét những quy định của pháp luật hiện hành, đồng thời đưa ra các kiến nghị hoàn thiện các quy phạm của chế định này ở khía cạnh lập pháp và việc áp dụng chúng trong thực tiễn

Đặc biệt, để góp phần nhân đạo hóa hơn nữa kết hợp với trừng trị nghiêm khắc trong chính sách hình sự của Nhà nước ta và để phù hợp với các yêu cầu thực tiễn xét xử và pháp luật hình sự các nước, tác giả luận văn kiến nghị bổ sung những trường hợp có thể áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS chưa được nhà làm luật nước ta quy định trong bộ luật hình sự. Ngoài ra luận văn còn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo cần thiết cho các cán bộ đang làm công tác thực tiễn trong các cơ quan tiến hành tố tụng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quyết định hình phạt nói chung và quyết định các tình tiết tăng nặng TNHS của bộ luật nói riêng.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được cơ cấu thành ba chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Chương 2: Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự năm 2015

Chương 3: Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong công tác xét xử tại quận Long Biên – thành phố Hà Nội và một số kiến nghị bảo đảm áp dụng đúng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ÁP DỤNG TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

1.1. Một số vấn đề lý luận về trách nhiệm hình sự

1.1.1. Khái niệm trách nhiệm hình sự

Cho đến nay, xung quanh khái niệm TNHS vẫn còn những quan điểm khác nhau.

Trách nhiệm hình sự, với tính cách là một dạng của trách nhiệm pháp lý là việc phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi của người phạm tội trước Nhà nước trong tình trạng bị cưỡng chế do việc người đó đã thực hiện tội phạm. Quy định cơ sở trách nhiệm hình sự thống nhất đối với tất cả mọi người thực hiện tội phạm; quy định hệ thống tội phạm và hình phạt thống nhất đối với tất cả mọi người phạm tội; quy định khung hình phạt thống nhất cho mỗi loại tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội giống nhau; quy định cơ sở thống nhất của việc quyết định hình phạt [44, tr. 158].

Thời điểm người phạm tội thực hiện tội phạm là thời điểm bắt đầu phát sinh mối quan hệ pháp luật hình sự giữa Nhà nước và người phạm tội. Từ khi đó, Nhà nước có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế cần thiết, có quyền buộc người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự. Người phạm tội phải có nghĩa vụ phải chịu các biện pháp cưỡng chế, chịu trách nhiệm hình sự do Nhà nước áp dụng. Nhưng nghĩa vụ chịu trách nhiệm hình sự của người phạm tội sẽ không được thực hiện trên thực tế nếu tội phạm không bị phát hiện, tội phạm đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự theo quy định của luật hình sự. Người phạm tội có thể phải chịu TNHS và có thể được miễn TNHS. Giống như với người phải chịu TNHS, người được miễn TNHS là người đã thực hiện tội phạm, nghĩa là đã thực hiện hành vi thỏa mãn các dấu hiệu của một cấu thành tội phạm được luật hình sự quy định. Từ thời điểm thực hiện tội phạm, người phạm tội phải có nghĩa vụ gánh chịu hậu quả bất lợi là TNHS, nhưng vì có những căn cứ để miễn trách nhiệm hình sự theo quy định của Luật hình sự, người đó lại được miễn trách nhiệm hình sự. Đối với người được miễn TNHS, nghĩa vụ phải chịu hậu quả bất lợi đã không trở thành hậu quả bất lợi thực tế mà người đó

phải chịu. Quan điểm này thực chất đã thu hẹp nội dung của trách nhiệm hình sự. Như chúng ta đã biết, trong số các biện pháp cưỡng chế của Nhà nước có tính chất pháp lý hình sự áp dụng đối với người phạm tội thì hình phạt là biện pháp cưỡng chế chủ yếu và nghiêm khắc nhất. Tuy nhiên, TNHS và hình phạt là những khái niệm không đồng nhất. TNHS là một chế định pháp lý, còn hình phạt chỉ là một trong những biện pháp để thực hiện, để cụ thể hóa trách nhiệm hình sự. Trong Bộ luật hình sự nước ta, thuật ngữ "*trách nhiệm hình sự*" và "*hình phạt*" cũng đã được phân biệt qua một số quy định cụ thể. Điều 2 Bộ luật hình sự quy định: "*Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự*". Đoạn cuối Điều 26 Bộ luật hình sự quy định: "*Hình phạt... do Tòa án quyết định*". Điều 25 Bộ luật hình sự quy định về "*miễn trách nhiệm hình sự*", Điều 54 Bộ luật hình sự quy định về "*miễn hình phạt*". Sự tồn tại của thuật ngữ "*miễn hình phạt*" cùng với thuật ngữ "*miễn trách nhiệm hình sự*" trong BLHS cũng đã phản ánh sự không đồng nhất của hai khái niệm trách nhiệm hình sự và hình phạt trong luật hình sự nước ta.

Khái niệm trách nhiệm hình sự là khái niệm rộng hơn khái niệm hình phạt. Trách nhiệm hình sự là hậu quả pháp lý của việc phạm tội được áp dụng đối với người thực hiện hành vi phạm tội, còn hình phạt chỉ là một trong những biện pháp cưỡng chế chủ yếu của trách nhiệm hình sự. Trách nhiệm hình sự, theo luật hình sự Việt Nam, đã được phân ra thành hai loại: loại có hình phạt và loại không có hình phạt (miễn hình phạt). Trong trường hợp có hình phạt, trách nhiệm hình sự mà người phạm tội phải chịu trước hết thể hiện ở bản án kết tội kèm theo việc quyết định hình phạt của Tòa án đối với người phạm tội. Người phạm tội không chỉ bị kết tội, "*bị coi là có tội*" mà còn phải chịu hình phạt do Tòa án quyết định trong bản án kết tội đó. Trong trường hợp miễn hình phạt, trách nhiệm hình sự được thể hiện ở bản án kết tội của Tòa án mà không có quyết định hình phạt đối với người phạm tội. Người phạm tội bị Tòa án, nhân danh Nhà nước, kết án vì đã thực hiện hành vi phạm tội. Với bản án kết tội có hiệu lực pháp luật, người phạm tội chính thức "*bị coi là có tội*" nhưng người đó không bị Tòa án quyết định hình phạt mà được miễn hình phạt.

Từ những phân tích trên, có thể xác định khái niệm trách nhiệm hình sự như sau: *Trách nhiệm hình sự là một dạng trách nhiệm pháp lý, là hậu quả pháp lý bất lợi mà người phạm tội phải chịu trước Nhà nước do việc người đó thực hiện tội phạm và là kết quả của việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự, được thể hiện ở bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật, hình phạt và một số biện pháp cưỡng chế hình sự khác do luật hình sự quy định.* [14, tr. 143]

1.1.2. Đặc điểm của trách nhiệm hình sự

Đặc điểm thứ nhất: Trách nhiệm hình sự là hậu quả pháp lý của việc thực hiện hành vi bị luật hình sự coi là tội phạm

Trách nhiệm hình sự là một loại trách nhiệm pháp lý chỉ có thể áp dụng đối với người thực hiện hành vi bị luật hình sự coi là tội phạm, nghĩa là việc thực hiện hành vi thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm được quy định trong luật hình sự. Không có việc thực hiện hành vi bị luật hình sự coi là tội phạm thì không thể có trách nhiệm hình sự. Trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự, để quy kết hành vi nào đó là tội phạm và buộc người thực hiện hành vi phải chịu trách nhiệm hình sự, người áp dụng pháp luật phải trên cơ sở đối chiếu hành vi đã thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm được quy định trong Bộ luật hình sự, chứ không được áp đặt theo ý thức chủ quan, bất chấp những quy định của pháp luật. Nếu trong quá trình áp dụng pháp luật, người áp dụng pháp luật xác định được hành vi của một người thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm được Bộ luật hình sự quy định thì mới có thể kết luận hành vi đó là tội phạm được bộ luật hình sự quy định thì mới có thể kết luận hành vi đó là tội phạm và mới có thể bắt buộc người thực hiện hành vi phải chịu trách nhiệm hình sự.

Đặc điểm thứ 2: Trách nhiệm hình sự là trách nhiệm của cá nhân người phạm tội

Theo luật hình sự Việt Nam, trách nhiệm hình sự chỉ có thể là trách nhiệm của cá nhân người đã thực hiện hành vi mà luật hình sự coi là tội phạm. Về nguyên tắc, trách nhiệm hình sự phải tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm do người phạm tội thực hiện. Mác đã viết: “*Nếu như khái niệm tội phạm giả định phải có sự trừng phạt, thì tội phạm thực tế lại giả định phải có một mức độ trừng phạt nhất định. Tội phạm thực tế là có giới hạn. Vì vậy, cả sự*

trừng phạt phải có giới hạn, dấu chỉ là để cho nó có tính chất thực tế, nó phải được hạn chế bởi nguyên tắc pháp luật để trở thành hợp pháp. Vấn đề là ở chỗ làm cho sự trừng phạt trở thành hậu quả thực tế của việc phạm tội. Dưới con mắt của kẻ phạm tội, sự trừng phạt phải là kết quả tất yếu của hành vi của chính người đó, do đó phải là hành vi của chính người đó. Giới hạn của hành vi của y phải là giới hạn của sự trừng phạt”[42, tr. 38]. Người phải chịu TNHS chỉ có thể là người phạm tội, nghĩa là người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự coi là tội phạm khi đã đạt độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có năng lực TNHS và có lỗi. Trong trường hợp tội phạm được thực hiện dưới hình thức đồng phạm thì từng người đồng phạm cũng phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập. Hình phạt quyết định đối với từng người đồng phạm được quyết định căn cứ vào tính chất đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm.

Đặc điểm thứ ba: Trách nhiệm hình sự được thể hiện ở bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật, hình phạt và một số biện pháp cưỡng chế hình sự khác do luật hình sự quy định

Trách nhiệm hình sự thể hiện mối quan hệ giữa Nhà nước và người phạm tội. TNHS là hậu quả pháp lý của việc phạm tội, thể hiện trước hết ở việc Tòa án, nhân danh Nhà nước, kết án người phạm tội. Nếu không có bản án kết tội của Tòa án thì không thể nói đến trách nhiệm hình sự đối với một người. Điều 31 Hiến pháp năm 2013 của nước ta đã khẳng định một trong những nguyên tắc quan trọng nhằm bảo vệ các quyền của con người trong hoạt động tư pháp hình sự - nguyên tắc suy đoán vô tội với nội dung như sau: Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”. Nguyên tắc này cũng được ghi nhận tương tự tại Điều 9 BLTTHS 1999. Bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật là cơ sở pháp lý xác nhận người phạm tội chính thức “*bị coi là có tội*”. Đó chính là hậu quả pháp lý thể hiện một trong những nội dung quan trọng của trách nhiệm hình sự mà người phạm tội phải chịu trước nhà nước. Đa số các trường hợp bản án kết tội của Tòa án đối với người phạm tội đi kèm với việc Tòa án quyết định hình phạt đối với người đó. Trong trường hợp này, trách nhiệm hình sự được thể hiện ở bản án kết tội và hình phạt. Trong trường hợp khác, bản án kết tội của Tòa án áp dụng đối với người

phạm tội không gắn với việc Tòa án quyết định hình phạt mà gắn với việc Tòa án quyết định miễn hình phạt đối với người đó.

Như vậy TNHS có thể có hình phạt và cũng có thể không có hình phạt. Trong trường hợp bản án kết tội của Tòa án có kèm theo quyết định miễn hình phạt đối với người phạm tội thì TNHS của người phạm tội thể hiện ở việc người bị phạm tội bị Tòa án, nhân dân Nhà nước kết án bằng bản án kết tội mà không được thể hiện bằng việc người đó phải chịu hình phạt. Trong trường hợp bản án kết tội của Tòa án có kèm theo quyết định hình phạt thì TNHS không chỉ thể hiện ở bản án kết tội mà còn thể hiện ở loại mà mức hình phạt cụ thể mà Tòa án quyết định đối với người phạm tội và dấu hiệu án tích của người đó.

Cơ sở phát sinh TNHS bắt đầu từ thời điểm người phạm tội thực hiện tội phạm. Từ khi đó, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng có quyền và nghĩa vụ áp dụng các biện pháp do pháp luật tố tụng hình sự quy định để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Hoạt động truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong tố tụng hình sự được thể hiện ở quyết định khởi tố bị can, kết luận điều tra và đề nghị truy tố, quyết định truy tố bằng bản cáo trạng. Tuy nhiên, việc truy cứu trách nhiệm hình sự không đồng nhất với việc thực hiện trách nhiệm hình sự. Hoạt động truy cứu TNHS của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong tố tụng hình sự chỉ là hoạt động tố tụng nhằm xác định các căn cứ để truy tố người phạm tội ra xét xử ở Tòa án. Thực chất hoạt động truy cứu trách nhiệm hình sự là hoạt động công tố, trong đó vai trò quyết định việc truy tố thuộc về Viện kiểm sát. Còn chức năng xét xử, kết tội người bị truy tố lại thuộc về Tòa án. Trên cơ sở quyết định truy tố của Viện kiểm sát, Tòa án sẽ ra quyết định kết tội hay không kết tội người bị truy tố. Nếu một người không bị Tòa án bằng bản án có hiệu lực pháp luật thì người đó không thể “ bị coi là có tội”.

Trong trường hợp Tòa án xác định người bị truy tố đã thực hiện hành vi thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm được luật hình sự quy định nhưng lại có căn cứ để miễn TNHS cho người đó theo quy định của BLHS, thì Tòa án sẽ không ra bản án kết tội mà tuyên miễn TNHS đối với người phạm tội. Trong trường hợp xét thấy có đủ căn cứ để buộc người phạm tội phải chịu sự lên án của Nhà nước về hành vi phạm tội của mình. Tòa án sẽ ra bản án kết tội đối với người đó. Bản án kết

tội của Tòa án đối với một người là kết quả của cả quá trình điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiền hành tố tụng tham gia giải quyết vụ án hình sự. Bản án kết tội của Tòa án thể hiện sự lên án có tính chất phủ định của Nhà nước, mà Tòa án là người đại diện, đối với hành vi phạm tội và người phạm tội. Người phạm tội có thể bị Tòa án kết tội nhưng không phải chịu hình phạt, nếu bản án kết tội gắn với việc Tòa án quyết định miễn hình phạt đối với người bị kết án. Trong trường hợp này Tòa án không quyết định loại hình phạt nhất định đối với người phạm tội. Khác với người được miễn TNHS, người được miễn hình phạt vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự, chịu sự lên án của Nhà nước, mà Tòa án là người đại diện, thông qua bản án kết tội của Tòa án. Người được miễn hình phạt vẫn “*bị coi là có tội*”, nhưng không phải chịu hình phạt. Theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao, việc miễn hình phạt đối với người phạm tội được thể hiện ngay trong bản án kết tội của Tòa án, trong đó, *có tuyên miễn hình phạt đối với người đó* [37, tr. 104].

Trong trường hợp bản án kết tội của Tòa án có quyết định hình phạt đối với người phạm tội thì nội dung của trách nhiệm hình sự mà người phạm tội phải chịu không chỉ thể hiện ở việc người đó bị kết án, bị coi là có tội mà còn thể hiện ở việc người đó bị áp dụng loại hình phạt cụ thể và bị coi là có án tích từ thời điểm bản án kết tội của Tòa án đối với người đó có hiệu lực pháp luật. Như vậy, trong trường hợp này, mức độ trách nhiệm hình sự mà người phạm tội phải chịu đã được cá thể hóa bằng loại và mức hình phạt cụ thể mà Tòa án quyết định đối với người đó, mức độ nặng, nhẹ của trách nhiệm hình sự được thể hiện ở mức độ nặng, nhẹ của loại hình phạt mà Tòa án áp dụng đối với người bị kết án.

Cùng với bản án kết tội của Tòa án và hình phạt mà Tòa án quyết định đối với người phạm tội, án tích đối với người bị kết án cũng là một trong những hình thức thể hiện nội dung của TNHS. Trách nhiệm hình sự và các dạng trách nhiệm pháp lý khác có thể có những điểm gần giống nhau về hình thức thể hiện. Ví dụ, TNHS và trách nhiệm hành chính đều có hình thức xử lý là cảnh cáo, phạt tiền. Nhưng cảnh cáo, phạt tiền với tính cách là hình phạt hình sự, khác với cảnh cáo, phạt tiền với tính cách là hình thức xử phạt vi phạm hành chính ở chỗ, người bị phạt cảnh cáo, phạt tiền với tính cách là hình phạt hình sự luôn gắn với hậu quả pháp lý là người đó bị coi là có án tích, án tích chỉ có thể được xóa khi đáp ứng

những điều kiện do luật định. Án tích gắn liền với bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Một người bị coi là còn án tích nghĩa là bản án kết tội đối với người đó vẫn còn hiệu lực pháp luật. Như vậy, theo quan điểm chúng tôi, bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật là cơ sở pháp lý chính thức xác nhận người phạm tội bị coi là có tội. Cùng với bản án kết tội, Tòa án có thể quyết định hình phạt hoặc quyết định miễn hình phạt đối với người phạm tội. Bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật gắn liền với dấu hiệu án tích của người bị kết án (trừ trường hợp người chưa thành niên phạm tội bị Tòa án áp dụng biện pháp tư pháp thay thế hình phạt). TNHS luôn gắn liền với bản án kết tội của Tòa án đối với người phạm tội. Trong trường hợp bản án kết tội của Tòa án có kèm theo việc Tòa án quyết định hình phạt đối với người phạm tội thì trách nhiệm hình sự mà một người phải chịu không chỉ thể hiện ở việc bị kết tội, bị coi là có tội, mà còn thể hiện ở việc người đó bị coi là có án tích, án tích chỉ được xóa khi có những điều kiện do luật định.

Các biện pháp cưỡng chế mà các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng đối với người phạm tội trong quá trình giải quyết vụ án như các biện pháp ngăn chặn: tạm giữ, tạm giam hoặc các biện pháp tư pháp: bắt buộc chữa bệnh, giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng, nếu được áp dụng đối với người phạm tội mà người đó bị Tòa án kết tội bằng bản án kết tội có hiệu lực pháp luật thì cũng được chuyển thành một bộ phận của việc thực hiện trách nhiệm hình sự nếu chúng được tính trừ vào thời gian chấp hành hình phạt của người bị kết án hoặc được áp dụng thay thế hình phạt (biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng).

Đặc điểm thứ tư: Trách nhiệm hình sự là trách nhiệm trước Nhà nước, kết quả của việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự, được xác định và thực hiện theo một trình tự, thủ tục đặc biệt do pháp luật tố tụng hình sự quy định

Việc xác định các căn cứ để có thể áp dụng trách nhiệm hình sự là kết quả của cả một quá trình điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan có thẩm quyền trong tố tụng hình sự. Song trách nhiệm hình sự chỉ có thể do Tòa án, nhân danh Nhà nước, áp dụng đối với người phạm tội. Điều 45 BLHS 1999 quy định “ Khi quyết định hình phạt Tòa án cần phải: Căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tính chất

và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. *“Cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự là một trong những căn cứ của việc quyết định hình phạt công bằng”* [45, tr. 184]

Theo BLTTHS nước ta, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi xác định có dấu hiệu tội phạm thì khởi tố vụ án, khi có đủ căn cứ để xác định một người đã thực hiện tội phạm thì khởi tố bị can. Trong quá trình giải quyết vụ án, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn do Bộ luật tố tụng hình sự quy định như bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm. Các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự nhằm ngăn chặn việc bị can, bị cáo có thể gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử; ngăn chặn việc bị can, bị cáo có thể phạm tội mới hoặc ngăn chặn việc bị can, bị cáo bỏ trốn hoặc có hành vi khác gây cản trở cho việc thi hành án. Người đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn vẫn có thể không phải chịu trách nhiệm hình sự nếu sau đó Cơ quan điều tra quyết định đình chỉ điều tra (Điều 164 Bộ luật tố tụng hình sự), Viện kiểm sát hoặc Tòa án đình chỉ vụ án (Điều 169 và Điều 180 Bộ luật tố tụng hình sự) hoặc tại phiên tòa, Tòa án không kết tội mà tuyên miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Các biện pháp ngăn chặn không phải là hậu quả pháp lý tất yếu của việc phạm tội, không phải người phạm tội nào cũng bị áp dụng biện pháp ngăn chặn. Toàn bộ quá trình giải quyết vụ án gắn với các quyết định tố tụng như khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng các biện pháp ngăn chặn, quyết định truy tố bị can. Song quá trình giải quyết vụ án cùng với việc áp dụng các biện pháp đó của các cơ quan tiến hành tố tụng không phải là quá trình thực hiện trách nhiệm hình sự mà chỉ là quá trình xác định những điều kiện cần và đủ để có thể truy tố người phạm tội và buộc tội họ trước Tòa án. Chức năng xét xử, kết tội người phạm tội thuộc về Tòa án. Căn cứ vào kết quả của quá trình điều tra và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án sẽ ra phán quyết về việc có kết tội người đã bị truy tố hay không. Nếu có đủ cơ sở để kết án người phạm tội, Tòa án sẽ ra bản án kết tội đối với người đó, bản án kết tội của Tòa án chính là sự thể hiện của trách nhiệm hình sự áp dụng đối với người phạm tội. Việc thực hiện trách nhiệm hình sự từ phía Nhà nước và việc phải chịu trách nhiệm hình sự từ phía người phạm tội chỉ bắt đầu

khi bản án kết tội của Tòa án đối với bị cáo có hiệu lực pháp luật. Thời điểm bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật là thời điểm bắt đầu thực hiện trách nhiệm hình sự, người phạm tội chính thức phải chịu trách nhiệm hình sự trước Nhà nước, chính thức "*bị coi là có tội*". Nếu không có những lý do đặc biệt, người phạm tội sẽ phải chấp hành toàn bộ hình phạt do Tòa án quyết định trong bản án kết tội. Bản án kết tội là hình thức thể hiện nội dung của trách nhiệm hình sự, song việc người bị kết án chấp hành xong bản án chưa phải là kết thúc việc thực hiện trách nhiệm hình sự. Trách nhiệm hình sự của một người chỉ kết thúc khi án tích đối với người đó được xóa

1.1.3. Cơ sở của trách nhiệm hình sự

Cơ sở triết học của trách nhiệm hình sự: Trách nhiệm hình sự nói chung và trách nhiệm hình sự nói riêng chỉ có thể được đặt ra đối với hành vi của con người. Các quy định của pháp luật được đặt ra là nhằm điều chỉnh hành vi của con người. Những tư tưởng, ý nghĩa đặc điểm riêng biệt của con người không thể chịu sự điều chỉnh của pháp luật nếu chúng chưa biểu hiện ra bên ngoài bằng hành vi cụ thể.

Vấn đề đặt ra là vì sao Nhà nước, xã hội lại buộc một người lại chịu trách nhiệm về hành vi của mình ? Trả lời câu hỏi này liên quan đến việc giải quyết vấn đề triết học về tự do ý chí, về mối quan hệ giữa yếu tố và tự do, hai phạm trù triết học biểu hiện mối quan hệ qua lại giữa hoạt động của con người và các quy luật khách quan của tự nhiên và xã hội. Chủ nghĩa Mác - Lênin xuất phát từ chỗ thừa nhận tính tất yếu khách quan là cái thứ nhất, còn ý thức và ý chí của con người là cái thứ hai, cái phát sinh, thừa nhận vai trò quyết định của hoàn cảnh bên ngoài, đồng thời cũng khẳng định vai trò tích cực của ý thức và ý chí con người. Với quan điểm trên, chủ nghĩa Mác- Lênin gắn việc giải quyết vấn đề trách nhiệm của con người với vấn đề tự do ý chí và cho rằng, con người phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình, vì hành vi của con người có tính tất yếu, vừa có tính tự do.

Hành vi của con người có tính tất yếu, nghĩa là hành vi của con người được hình thành, tồn tại và thay đổi không phải một cách ngẫu nhiên mà tuân theo những quy luật khách quan và là kết quả của sự tác động qua lại của các điều kiện tự nhiên và xã hội. Tất cả các hiện tượng tự nhiên và xã hội đều diễn ra theo những quy luật khách quan. Hoạt động của con người, ý thức và ý chí của họ cũng phụ thuộc vào

các quy luật khách quan, chịu sự tác động của hoàn cảnh khách quan. Tuy nhiên, điều này không dẫn đến sự phụ thuộc tuyệt đối của hoạt động của con người vào hoàn cảnh khách quan. Ý thức của con người được quy định bởi hoàn cảnh bên ngoài, đồng thời ý thức của con người cũng có tính độc lập tương đối.

Chủ nghĩa Mac - Lê nin một mặt thừa nhận tính tất yếu hành vi của con người nhưng mặt khác lại cho rằng hành vi của con người vẫn có tính tự do.

Tự do ý chí, theo quan điểm của chủ nghĩa Mac - Lê nin, là năng lực của con người xác định được các xử sự của mình trên cơ sở nhận thức được hiện thực khách quan, năng lực thấy trước hậu quả của hành vi của mình và đánh giá chúng phù hợp với các yêu cầu đạo đức và pháp luật. Hành vi của con người có tính tự do, nghĩa là khi thực hiện hành vi, con người có khả năng xác định được hành vi của mình trên cơ sở nhận thức được thế giới khách quan, có khả năng thấy trước được kết quả của hành vi của mình và khả năng lựa chọn thực hiện hành vi phù hợp với các yêu cầu và chuẩn mực xã hội. Các điều kiện khách quan bên ngoài không quy định hành vi cụ thể của con người mà chỉ quy định những khả năng xử sự khác nhau. Chịu sự tác động của hoàn cảnh bên ngoài, con người có khả năng quyết định lựa chọn các phương án xử sự khác nhau để thực hiện mục đích của mình. Hành vi cụ thể của một người là kết quả trực tiếp của sự lựa chọn và quyết định của người đó, thông qua hoạt động nhận thức, có cân nhắc đến ý nghĩa xã hội của hành vi đó. Con người khi đã có khả năng và điều kiện để lựa chọn, quyết định thực hiện hành vi của mình là con người có tự do. Khi con người có tự do thì Nhà nước, xã hội đòi hỏi người đó không thực hiện những hành vi nguy hiểm, gây thiệt hại cho xã hội. Trong trường hợp một người có khả năng và điều kiện để lựa chọn, quyết định thực hiện hành vi phù hợp với các yêu cầu của xã hội nhưng lại thực hiện hành vi trái với yêu cầu xã hội thì Nhà nước, xã hội buộc người đó phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Tùy tính chất của hành vi vi phạm điều cấm mà trách nhiệm của người vi phạm phải chịu có thể là trách nhiệm đạo đức hoặc trách nhiệm pháp lý, trong đó có trách nhiệm hình sự.

Cơ sở pháp lý của trách nhiệm hình sự: Việc giải quyết về mặt triết học vấn đề về tự do ý chí, về mối quan hệ giữa tự do và tất yếu là cơ sở luận chứng cho trách nhiệm của một người với hành vi mà người đó thực hiện. Theo cách giải quyết

này thì cơ sở để Nhà nước, xã hội có thể lên án, buộc một người phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của họ là việc họ đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật hình sự trong khi họ có đủ khả năng để lựa chọn quyết định thực hiện hành vi khác phù hợp với đòi hỏi của xã hội, phù hợp với yêu cầu của pháp luật. Việc giải quyết ở khía cạnh triết học trên mới chỉ giải quyết được câu hỏi vì sao một người phải chịu trách nhiệm hình sự của mình, chứ chưa giải quyết được toàn bộ vấn đề cơ sở của trách nhiệm hình sự, chưa trả lời được câu hỏi con người phải chịu trách nhiệm hình sự về cái gì và dựa trên cơ sở pháp lý nào ?

Cơ sở của trách nhiệm hình sự là căn cứ chung mà dựa vào đó Nhà nước, thông qua các cơ quan có thẩm quyền có thể truy cứu, áp dụng trách nhiệm hình sự đòi hỏi phải giải quyết không chỉ cơ sở triết học mà còn cả cơ sở pháp lý có tính bắt buộc để có thể truy cứu cũng như áp dụng trách nhiệm hình sự đối với một chủ thể nào đó. Về cơ sở của trách nhiệm hình sự, trong khoa học luật hình sự còn có các quan điểm khác nhau.

Chúng ta đã biết, tội phạm là hành vi do con người thực hiện, còn cấu thành tội phạm là một phạm trù pháp lý trừu tượng, kết quả của hoạt động nhận thức của con người, do nhà làm luật xác định trong quá trình làm luật, ghi nhận các dấu hiệu đặc trưng điển hình, phản ánh bản chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi bị coi là tội phạm. Khi đề cập đến cơ sở của trách nhiệm hình sự là đề cập đến cả sự kiện thực tế việc thực hiện hành vi và cơ sở pháp lý cấu thành tội phạm của trách nhiệm hình sự. Hành vi là hoạt động của con người diễn ra trên thực tế, trong một khoảng thời gian và không gian nhất định, còn cấu thành tội phạm là một phạm trù pháp lý trừu tượng được nhà làm luật ghi nhận trong luật. Về mặt logic, các dấu hiệu của cấu thành tội phạm có trong luật không thể đồng thời có trong hành vi đã thực hiện. Trên thực tế, để có thể xác định một hành vi nào đó là hành vi phạm tội để áp dụng trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi, các cơ quan có thẩm quyền phải xác định được sự thỏa mãn hay sự phù hợp của hành vi đã thực hiện với các dấu hiệu của một cấu thành tội phạm được quy định trong luật hình sự, mặc dù người thực hiện hành vi đã gây thiệt hại cho xã hội hay mới chỉ tạo điều kiện để tự mình thực hiện gây thiệt hại hoặc tạo điều kiện cho người khác gây thiệt hại cho xã hội. Cơ sở của TNHS chính là việc thực hiện hành vi thỏa mãn các dấu hiệu của cấu

thành tội phạm được quy định trong luật hình sự. Nói cách khác, cơ sở của trách nhiệm hình sự là việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà luật hình sự quy định là tội phạm. Bởi vì, hành vi bị coi là tội phạm phải là hành vi thỏa mãn các dấu hiệu của một cấu thành tội phạm được luật hình sự quy định. Việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà luật hình sự quy định là tội phạm cũng chính là việc thực hiện hành vi thỏa mãn các dấu hiệu của một cấu thành tội phạm cũng được quy định trong luật hình sự.

Cấu thành tội phạm là khuôn mẫu pháp lý của từng tội phạm cụ thể. Để xác định trách nhiệm hình sự đối với một người đòi hỏi phải xác định được hành vi mà người đó thực hiện thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm được quy định trong luật hình sự. Nếu hành vi một người thực hiện không thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm được quy định trong luật hình sự thì người thực hiện hành vi không thể phải chịu TNHS.

Điều 2 BLHS năm 1999 quy định “Chỉ người nào phạm một tội đã được BLHS quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự”

1.2. Một số vấn đề lý luận về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

1.2.1. *Khái niệm, đặc điểm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*

Khái niệm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.: Hiện nay, khái niệm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự còn nhiều quan điểm khác nhau.

Theo quy định tại Điều 45 BLHS năm 1999, thì khi quyết định hình phạt, Tòa án không chỉ căn cứ vào các quy định của BLHS, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, mà còn phải căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS.

Như vậy, luật quy định các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS là một trong những căn cứ cần thiết để Tòa án xem xét khi quyết định hình phạt. Do đó, việc nghiên cứu vai trò của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với việc quyết định hình phạt đối với người phạm tội có ý nghĩa rất quan trọng về mặt lý luận-thực tiễn và pháp lý trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự để giải quyết vụ án hình sự, đồng thời thể hiện rõ nội dung phương châm “ng nghiêm trị kết hợp với khoan hồng”, “trừng trị kết hợp với giáo dục” trong chính sách hình sự của Nhà nước ta, cũng như bảo đảm thực hiện tốt hơn nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình

sự và cá thể hóa và hình phạt đối với người phạm tội. Trong quá trình quyết định hình phạt đối với người phạm tội, việc nhận thức thống nhất về vai trò của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự để xem xét, cân nhắc và áp dụng chính xác các tình tiết này trong thực tiễn là nhiệm vụ rất quan trọng của các Tòa án ở nước ta hiện nay. Do đó, trước khi đi vào phân tích vai trò của các tình tiết này trong việc quyết định hình phạt đối với người phạm tội, chúng ta cần phải đưa ra định nghĩa của khái niệm “tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự” là gì. Hiện nay, trong pháp luật hình sự thực định (Bộ luật hình sự năm 1999) nhà làm luật nước ta không ghi nhận định nghĩa pháp lý của khái niệm này, đồng thời trong khoa học luật hình sự Việt Nam cũng còn nhiều quan điểm khác nhau xung quanh nó, mà cụ thể là:

- *“Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tình tiết làm cho mức độ nguy hiểm của trường hợp phạm tội cụ thể của một loại tội phạm tăng lên so với trường hợp bình thường và do đó được coi là căn cứ để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với trường hợp phạm tội đó”*[15, tr.116].

- *“Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự có ảnh hưởng tới mức độ nguy hiểm của một tội phạm trong các trường hợp cụ thể khác nhau và có ý nghĩa khi quyết định hình phạt vì chúng... làm tăng lên mức hình phạt cần áp dụng với tội phạm đã thực hiện trong giới hạn khung hình phạt mà luật quy định với tội phạm đó”*[33, tr.233].

- *“Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là những tình tiết trong một vụ án cụ thể làm tăng mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và người phạm tội phải chịu một hình phạt nghiêm khắc hơn trong một khung hình phạt”*[29, tr. 236 - 237].

- *“Những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là những tình tiết làm cho một hành vi phạm tội hoặc người phạm tội giảm tăng lên mức độ nguy hiểm cho xã hội để từ đó cần áp dụng hình phạt nặng hơn trong phạm vi một khung hình phạt đã được xác định”*[26, tr. 305].

- *“Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là những tình tiết phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm tăng lên trong phạm vi một khung hình phạt của một tội phạm cụ thể”*[31, tr. 36].

- “Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là những tình tiết được quy định trong Bộ luật hình sự phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, khả năng cải tạo giáo dục của người phạm tội. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự có ý nghĩa trong việc quyết định hình phạt, làm tăng hình phạt trong giới hạn một khung hình phạt”[17, tr. 19].

Khái niệm này có thể được hiểu như sau: *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tình tiết được quy định trong BLHS với tính chất là tình tiết tăng nặng chung và là một trong những căn cứ để Toà án quyết định hình phạt đối với người phạm tội theo hướng nghiêm khắc hơn trong phạm vi một khung hình phạt nếu trong vụ án hình sự có tình tiết này.* [16, tr.8].

Tuy nhiên, trên thực tế, nếu các hành vi phạm tội cùng xâm hại đến một quan hệ xã hội thì mỗi hành vi phạm tội đó lại có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau. Ngay trong trường hợp nếu tính chất mà mức độ nguy hiểm cho xã hội như nhau thì vẫn có yếu tố khác quan khác tác động như: Thời gian, địa điểm, không gian, hoàn cảnh, công cụ, phương tiện, phương pháp phạm tội, tính chất của hành vi phạm tội, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội. Do đó, chính vì sự khác nhau này mà “ Nhà nước không thể quy định một mức hình phạt cụ thể và chính xác áp dụng cho từng hành vi phạm tội, mà chỉ có thể quy định khung hình phạt cho một hành vi phạm tội giống nhau cơ bản về *chất* nhưng khác nhau về *lượng*”[10, tr.50].

Sự khác nhau về lượng phụ thuộc vào nhiều yếu tố và được nhà nước quy định trong BLHS thành hai nhóm tình tiết có nội dung, ý nghĩa trái ngược nhau, làm thay đổi mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và được gọi là tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ TNHS. Như vậy, làm rõ về nội dung khái niệm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự có ý nghĩa rất quan trọng trong việc quyết định hình phạt đối với người phạm tội, vì nó giúp cho Toà án có căn cứ pháp lý để phân hoá được TNHS và cá thể hoá hình phạt một người được công minh, có căn cứ và đúng pháp luật

1.2.2. Đặc điểm của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Đặc điểm chung thể hiện bản chất, ý nghĩa pháp lý của tình tiết tăng nặng TNHS, cụ thể như sau:

Một là: Đặc điểm cơ bản của tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, là làm tăng tính nguy hiểm cho tội phạm (làm thay đổi tính chất hoặc mức độ nguy hiểm của tội phạm theo hướng nghiêm trọng hơn tùy theo từng trường hợp cụ thể), hoặc người phạm tội. Có những tình tiết đối với tội này thì làm thay đổi tính chất, nhưng đối với tội khác thì làm thay đổi mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Đây là tình tiết chung được áp dụng cho nhiều loại tội phạm

Hai là: Khác với các tình tiết giảm nhẹ TNHS, các tình tiết tăng nặng TNHS chỉ được quy định trong BLHS. Trên cơ sở nghiên cứu về tội phạm học và tình hình tội phạm, yêu cầu phòng chống tội phạm trong từng thời kỳ, các nhà làm luật xác định những tình tiết nào làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm cần coi là tình tiết tăng nặng và quy định trong BLHS. Xác định đúng các tình tiết tăng nặng TNHS không chỉ “là tiền đề cho việc phân hoá TNHS và cá thể hoá hình phạt một cách công minh, có căn cứ và đúng pháp luật” mà còn là “một trong những cơ sở áp dụng chính xác các quy phạm pháp luật hình sự” [9, tr.7-8]. Khi truy tố, xét xử, chỉ những tình tiết tăng nặng và quy định trong BLHS mới được áp dụng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự để tăng hình phạt đối với bị cáo, không được suy diễn, coi những tình tiết ngoài BLHS là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đây cũng là đặc điểm cơ bản của tình tiết tăng nặng TNHS. (Đặc điểm này khác với các tình tiết giảm nhẹ TNHS, bởi vì khoản 2 Điều 46 BLHS quy định: “*Khi quyết định hình phạt, Tòa án còn có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ nhưng phải ghi rõ trong bản án*”). Đặc điểm này thể hiện nguyên tắc bình đẳng nhân đạo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, của pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng.

Ba là: Tình tiết tăng nặng thuộc tội nào thì áp dụng cho tội ấy; tình tiết thuộc về nhân thân của người phạm tội nào thì áp dụng cho người phạm tội ấy. Đây là đặc điểm để đảm bảo quyền, lợi ích cho bị can, bị cáo, khi đang truy tố xét xử thì người tiến hành tố tụng chỉ được áp dụng những tình tiết liên quan trực tiếp đến vụ án, ảnh hưởng đến tính nguy hiểm cho xã hội của một tội phạm cụ thể.

Bốn là: Các tình tiết tăng nặng TNHS mang tính khách quan phản ánh tình hình xã hội, tình hình tính chất tội phạm và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong từng thời kỳ. Do đó từ góc độ lập pháp, tình tiết tăng nặng TNHS với

vai trò đảm bảo xử lý nghiêm minh tội phạm cũng được điều chỉnh phù hợp, có những tình tiết mới được đưa vào, có những tình tiết phải bỏ đi, có những tình tiết được tăng nặng chung lên thành tình tiết tăng nặng định khung, có những tình tiết tăng nặng định khung được chuyển thành tình tiết tăng nặng định tội.

Năm là: Tình tiết tăng nặng TNHS có tác động giới hạn (khác với tình tiết giảm nhẹ TNHS). Bởi vì đối với trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Tòa án có thể xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc miễn TNHS, miễn hình phạt. Còn trường hợp người phạm tội dù có 25 nhiều tình tiết tăng nặng chung, nhiều tình tiết tăng nặng định khung chung thì cũng chỉ bị xử phạt trong phạm vi một khung hình phạt đó. Ví dụ: Một người phạm tội cướp tài sản có một tình tiết tăng nặng chung và một tình tiết tăng nặng định khung ở khoản 2 Điều 133 BLHS cũng có thể bị xử phạt tới 15 năm tù, thế nhưng một người khác cũng phạm tội cướp tài sản có nhiều tình tiết tăng nặng định khung ở khoản 2 Điều 133 BLHS và nhiều tình tiết tăng nặng chung thì cũng chỉ có thể xử phạt đến 15 năm tù, điều đó thể hiện đây là đặc điểm đặc thù của tình tiết tăng nặng TNHS.

Tóm lại, các tình tiết tăng nặng TNHS phản ánh tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn của tội phạm và nhân thân người phạm tội, phản ánh nhu cầu cải tạo giáo dục người phạm tội bằng biện pháp nghiêm khắc hơn. Những tình tiết đó không phải do các nhà làm luật tự nghĩ ra mà do quá trình nhận thức thực tiễn, đánh giá bản chất tội phạm, qua thực tiễn áp dụng pháp luật để đúc kết hình thành nên. Do đó, cũng như các tình tiết giảm nhẹ, các tình tiết tăng nặng TNHS mang tính khách quan. Một tội phạm có thêm những tình tiết làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội thì sẽ phải chịu TNHS cao hơn là điều cần thiết để đảm bảo tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật và cần phải “Xác định mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội”

1.2.3. Mối quan hệ của các yếu tố cấu thành tội phạm với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Qua việc xem xét các tình tiết tăng nặng TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 cho thấy là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là những tình tiết phản ánh những đặc điểm thuộc về mặt khách quan, mặt chủ quan hoặc nhân thân người phạm tội. Trong khi đó, các yếu tố CTTP bao gồm: khách

thể, mặt khách quan, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm. Như vậy, giữa các yếu tố cấu thành tội phạm và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không hoàn toàn độc lập với nhau nên cần có sự nghiên cứu, phân tích, đánh giá mối quan hệ giữa tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự với từng yếu tố CTTTP.

1.2.3.1. Mối quan hệ giữa khách thể của tội phạm với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Khách thể của tội phạm là các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ bị hành vi phạm tội xâm hại. Dựa vào khách thể của tội phạm, chúng ta xác định được hành vi nguy hiểm cho xã hội do con người thực hiện có phải là tội phạm hay không và có cơ sở chung nhất để xác định tính nguy hiểm của tội phạm đó. Tuy nhiên, không thể chỉ căn cứ vào khách thể của tội phạm để xác định mức độ trách nhiệm hình sự cụ thể của người phạm tội. Trong các bộ phận cấu thành khách thể của tội phạm lại có ảnh hưởng đến mức độ trách nhiệm hình sự của người phạm tội. Điển hình là đối tượng tác động của tội phạm là một trong các căn cứ tăng nặng trách nhiệm hình sự của người phạm tội trong phạm vi một khung hình phạt. Sự ảnh hưởng này được quy định cụ thể tại Điều 48 BLHS năm 1999 khi liệt kê cụ thể những đối tượng tác động nào làm tăng mức độ TNHS của người phạm tội như: Phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già, người ở trong tình trạng không thể tự vệ được hoặc đối với người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác và xâm phạm tài sản của nhà nước. Do vậy, khi người phạm tội có một trong những tình tiết này thì mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự của họ lớn hơn, và điều đó có nghĩa mức hình phạt của họ sẽ cao hơn so với trường hợp bình thường mà không có tình tiết ấy.

1.2.3.2. Mối quan hệ giữa mặt khách quan của tội phạm với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Mặt khách quan của tội phạm là mặt bên ngoài của tội phạm bao gồm những dấu hiệu của tội phạm diễn ra trong thế giới khách quan: Hành vi nguy hiểm cho xã hội, hậu quả nguy hiểm cho xã hội, mối quan hệ giữa hành vi và hậu quả, các dấu hiệu thể hiện khi thực hiện hành vi phạm tội nó gắn liền với công cụ, phương tiện, phương pháp, thủ đoạn phạm tội, thời gian và hoàn cảnh phạm tội. Những dấu hiệu thuộc mặt khách quan ở mức độ này hay mức độ khác đều có ảnh hưởng đến TNHS

của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Dấu hiệu hành vi nguy hiểm được quy định trong tất cả các cấu thành tội phạm với ý nghĩa là dấu hiệu định tội. Dấu hiệu hậu quả nguy hiểm cho xã hội không có tính chất bắt buộc trong tất cả các cấu thành tội phạm cụ thể, nhưng việc xác định dấu hiệu hậu quả luôn có vai trò quan trọng. Bởi một điều hiển nhiên là *“trong các điều kiện khác giống nhau hậu quả của tội phạm xảy ra càng nghiêm trọng thì mức độ hình phạt được quyết định càng phải nghiêm khắc”*[46,tr.168]. Ngoài ra, trong mặt khách quan của CTTP còn có các dấu hiệu khác như: công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh phạm tội. Đa số trong các cấu thành tội phạm, các dấu hiệu này không phải là dấu hiệu định tội hay định khung, nhưng các dấu hiệu này có thể đóng vai trò là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chung được quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 và chúng cũng làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội không chỉ của tội phạm mà còn cả của nhân thân người phạm tội nữa. Các tình tiết đó bao gồm: Xúi giục người chưa thành niên phạm tội, có hành động xảo quyệt, hung hãn nhằm trốn tránh che giấu tội phạm, dùng thủ đoạn xảo quyệt, tàn ác phạm tội hoặc thủ đoạn, phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người, lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội, phạm tội có tổ chức. Việc nghiên cứu các dấu hiệu thuộc mặt khách quan tội phạm trước hết có ý nghĩa đối với việc định tội. Ngoài ra, các dấu hiệu thuộc mặt khách quan tội phạm còn có ảnh hưởng tới việc xác định hình phạt, quyết định mức độ trách nhiệm hình sự cụ thể của người phạm tội.

1.2.3.3. Mối quan hệ giữa chủ thể của tội phạm và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Chủ thể của tội phạm là con người cụ thể đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong tình trạng có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi do luật hình sự quy định. Một số cấu thành tội phạm cụ thể quy định rõ về chủ thể của tội phạm ngoài hai điều kiện về tuổi và năng lực trách nhiệm hình sự còn phải thỏa mãn thêm các dấu hiệu như: có chức vụ, giới tính, nghề nghiệp, quan hệ gia đình... Những chủ thể này gọi là chủ thể đặc biệt của tội phạm. Dấu hiệu chủ thể đặc biệt có thể quy định là dấu hiệu định tội, dấu hiệu định khung hoặc dấu hiệu tăng nặng

trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, chủ thể đặc biệt với tư cách là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chỉ được áp dụng đối với người có chức vụ, quyền hạn. Chẳng hạn, điểm c khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định tình tiết “lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đặc điểm chủ thể đặc biệt ở đây chỉ là người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện tội phạm được dễ dàng và có khả năng che giấu được tội phạm đó.

Khi nghiên cứu yếu tố chủ thể của tội phạm cần lưu ý một khái niệm rất gần với khái niệm chủ thể của tội phạm, đó là khái niệm “*nhân thân người phạm tội*” [38, tr.22]. Hai khái niệm này có ý nghĩa pháp lý khác nhau, mặc dù chúng đều đặc trưng cho người thực hiện tội phạm, chủ thể của tội phạm là một trong bốn yếu tố cấu thành tội phạm, còn nhân thân người phạm tội là một trong những căn cứ để Tòa án cân nhắc khi quyết định hình phạt. Ngoài ra, một số đặc điểm nhân thân người phạm tội còn được xác định là tình tiết tăng nặng TNHS, chúng được quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 có ý nghĩa làm tăng mức độ nguy hiểm của nhân thân người phạm tội, phản ánh khả năng cải tạo, giáo dục, cảm hóa người phạm tội, để có thể áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tội phạm mà họ thực hiện và đạt được các mục đích của hình phạt. Các đặc điểm nhân thân người phạm tội có ảnh hưởng làm tăng mức độ trách nhiệm hình sự như: Phạm tội có tính chất côn đồ, phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm.

1.2.3.4. Mối quan hệ giữa mặt chủ quan của tội phạm với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Mặt chủ quan của tội phạm là hoạt động tâm lý bên trong của người phạm tội. Nội dung chủ yếu của mặt chủ quan của tội phạm bao gồm: Lỗi, động cơ, mục đích phạm tội. Trong đó lỗi được phản ánh trong tất cả các cấu thành tội phạm, còn động cơ, mục đích phạm tội không phải là những dấu hiệu trong tất cả các CTTP cụ thể. Trong hệ thống các tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 cũng đã thể hiện được nguyên tắc xử lý trong chính sách hình sự của Nhà nước ta là những trường hợp phạm tội do cố ý phải bị xử lý nghiêm khắc hơn các trường hợp vô ý phạm tội. Cụ thể, tình tiết “cố tình thực hiện tội phạm đến cùng” thể hiện tính nguy hiểm cao hơn so với trường hợp phạm tội bình thường

hoặc phạm tội do lỗi vô ý. Mặt khác, trong các động cơ phạm tội, có nhiều động cơ thể hiện mức độ nguy hiểm cho xã hội cao của người phạm tội, gây cảm phần lớn trong dư luận xã hội. Đó là những động cơ thể hiện sự ích kỷ, xấu xa, bội bạc, phản trắc của người phạm tội, mà trong pháp luật hình sự gọi đó là “động cơ đê hèn” và người phạm tội có tình tiết này là căn cứ để tăng nặng mức trách nhiệm hình sự trong phạm vi một khung hình phạt nếu tình tiết này không được quy định là tình tiết định tội hay tình tiết định khung của tội phạm đó.

Nhìn chung, sự tách bạch giữa các dấu hiệu thuộc các yếu tố cấu thành tội phạm với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không phải bao giờ cũng rõ ràng và nó chỉ có ý nghĩa khi xem xét trong một tội phạm cụ thể. Bởi vì, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cũng là những tình tiết thuộc mặt khách quan, mặt chủ quan hoặc nhân thân người phạm tội. Để xác định tội phạm phải có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm. Nếu hành vi nguy hiểm cho xã hội do con người thực hiện không thoả mãn dù chỉ là một yếu tố cấu thành tội phạm thì không cấu thành tội phạm và cũng không cần đến yếu tố thứ năm nào khác. Với các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì chỉ cần một tình tiết cũng có giá trị tăng mức trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Tất nhiên, *“trong một vụ án hình sự, đối với người phạm tội càng nhiều tình tiết tăng nặng thì mức độ tăng nặng TNHS của họ càng cao, hình phạt áp dụng đối với họ càng nghiêm khắc”* [39,tr.35] . Tuy nhiên, trong mối quan hệ giữa các yếu tố CTP và tình tiết tăng nặng TNHS thì các cơ quan tiến hành tố tụng phải xác định các dấu hiệu thuộc các yếu tố CTP trước tiên sau đó mới xem xét đến tình tiết tăng nặng TNHS và chỉ được coi là tình tiết tăng nặng TNHS nếu trong vụ án đó có và tình tiết đó không phải là tình tiết định tội hay tình tiết định khung hình phạt của một tội phạm cụ thể. CTP và tình tiết tăng nặng TNHS phản ánh bình đẳng của pháp luật hình sự và tính công bằng trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự. Pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng *“là sản phẩm của quy luật khách quan, là tấm gương phản chiếu những gì nằm ngoài ý muốn chủ quan của con người”* [41,tr.217]. Do vậy BLHS phải quy định đầy đủ các tội phạm và các dấu hiệu của từng tội phạm, đảm bảo sự bình đẳng giữa những người phạm tội với nhau.

1.3. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trước khi ban hành bộ luật hình sự năm 2015

1.3.1. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trước khi pháp điển hoá

Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đã quan tâm đặc biệt đến công tác xác định pháp luật, trong đó có pháp luật hình sự, nhằm góp phần bảo vệ trật tự, trị an xã hội, bảo vệ chính quyền nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra nhiều sắc lệnh nhằm làm cơ sở để truy tố, xét xử các loại tội phạm, nhất là tội phản cách mạng: Nghị quyết "Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng" (30/10/1967). "Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản XHCN", "Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân" (21/10/1970) và các bản tổng kết thực tiễn xét xử hàng năm của Toà án nhân dân tối cao cho thấy hệ thống pháp luật hình sự đã tương đối đầy đủ. Các quy định tuy còn nằm ở nhiều văn bản khác nhau nhưng đã thể hiện tính có hệ thống, tính khoa học. Ngoài các tình tiết tăng nặng định khung, còn có những tình tiết tăng nặng chung (Điều 18 - Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản công dân, Điều 19 - Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng). Tuy nhiên, do các tình tiết tăng nặng được quy định ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau nên việc vận dụng rất khó khăn và thiếu thống nhất. Theo bản tổng kết thực tiễn vận dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trong công tác xét xử về hình sự của Toà án nhân dân tối cao (năm 1976) thì tình tiết tăng nặng được phân thành 3 nhóm:

- Những tình tiết tăng nặng thuộc về phương diện khách quan của tội phạm.
- Những tình tiết tăng nặng thuộc phương diện chủ quan của tội phạm.
- Những tình tiết tăng nặng thuộc nhân thân người phạm tội.

Những tình tiết tăng nặng thuộc phương diện khách quan của tội phạm bao gồm: cộng phạm; xúi giục; lôi kéo người chưa thành niên phạm tội; lợi dụng thiên tai, dịch hoạ, hoàn cảnh chiến tranh, nơi có chiến sự, lợi dụng lũ lụt, hoả hoạn, lợi dụng tình hình trật tự trị an diễn biến phức tạp; lợi dụng tình hình quản lý kinh tế thiếu chặt chẽ; lợi dụng chức vụ quyền hạn, lợi dụng chuyên môn nghề nghiệp để phạm tội; thủ đoạn, phương pháp phạm tội có tính chất táo bạo, xảo quyệt, bỉ ổi, tàn ác, có thể nguy hiểm cho nhiều người; phạm tội đối với trẻ em, người già, người bị ốm đau; phạm tội đối với người đang thi hành công vụ; phạm

tội gây hậu quả nghiêm trọng. Những tình tiết tăng nặng thuộc về phương diện chủ quan của tội phạm bao gồm: Phạm tội vì động cơ đê hèn, phạm tội với động cơ hưởng lạc; có quyết tâm xâm phạm tội cao; có lỗi vô ý nặng. Những tình tiết tăng nặng thuộc về thân nhân người phạm tội bao gồm: kẻ phạm tội là lưu manh chuyên nghiệp tức là sống bằng nguồn thu nhập từ làm ăn phi pháp, lưu manh côn đồ, lưu manh cao bồi càn quấy; tái phạm; kẻ phạm tội là phần tử xấu, người phạm tội đã có tiền án (không thuộc trường hợp tội phạm); phạm tội nhiều lần hoặc phạm nhiều lần; người phạm tội có thái độ xấu sau khi đã phạm tội. Ngoài ra, còn một số tình tiết tăng nặng khác nhưng không phổ biến như: làm thiệt hại trực tiếp đến cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đến sự nghiệp quốc phòng, dùng tài sản phạm tội vào việc kinh doanh, bóc lột, đầu cơ hoặc vào những việc phạm tội khác, cố ý giúp cho những tổ chức hoặc cá nhân tiến hành kinh doanh, bóc lột, đầu cơ hoặc phạm những tội khác (trong pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản XHCN), kẻ phạm tội là người ngoan cố không chịu cải tạo, kẻ cầm đầu việc thực hiện tội phạm cũng được quy định là những tình tiết tăng nặng. Trong các tội xâm phạm tài sản thì tài sản bị xâm phạm là tài sản XHCN được coi là tình tiết tăng nặng đặc biệt, là tình tiết tăng nặng định tội. Tất cả các tội cùng loại thì trường hợp xâm phạm tài sản XHCN hình phạt cao hơn rất nhiều so với trường hợp xâm phạm tài sản công dân. Một số trường hợp điển hình như tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản riêng của công dân, tội cố ý huỷ hoại hoặc làm hư hỏng tài sản riêng của công dân thì mức cao nhất của khung hình phạt cao nhất chỉ là 10 năm, 15 năm hoặc 20 năm tù, nhưng các tội tương ứng xâm phạm tài sản XHCN thì mức cao nhất của khung hình phạt cao nhất là tử hình. Quanghiên cứu các quy định trên có thể thấy các tình tiết tăng nặng TNHS trong giai đoạn này đã được quy định có hệ thống và chặt chẽ, phản ánh một cách khá toàn diện tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội của đất nước trong giai đoạn đó. Các tình tiết thuộc tính chất hành vi khách quan, mặt chủ quan của tội phạm, nhân thân người phạm tội đã được quy định hợp lý, chi tiết, thể hiện được đầy đủ tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm theo hướng tăng lên ở nhiều khía cạnh khác nhau. Nhiều tình tiết này Luật không quy định nhưng thực tiễn áp dụng pháp luật vẫn vận dụng khi cân nhắc quyết định hình phạt như thủ đoạn phạm tội táo bạo, bí ối, phạm tội vì động cơ hưởng lạc,

chưa bị pháp luật xử lý nhưng nhân thân xấu. Việc quy định những tình tiết này hết sức cần thiết, bảo đảm việc cá thể hoá TNHS được triệt để hơn, đảm bảo công bằng, đảm bảo đạt được mục đích hình phạt. Ngoài những tình tiết thuộc bản chất chung của tội phạm thì Luật hình sự giai đoạn này cũng quy định những tình tiết tăng nặng đối với tội phạm ảnh hưởng, cản trở công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, công cuộc xác định CNXH, xâm phạm nền chuyên chính vô sản, xâm phạm quan hệ sở hữu XHCN. Đó là các tình tiết như: xâm phạm tài sản XHCN, tội phạm phục vụ giúp đỡ cho việc kinh doanh, bóc lột, đầu cơ, làm thiệt hại trực tiếp đến công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Rõ ràng, việc quy định những tình tiết tăng nặng TNHS như vậy đã góp phần vào công cuộc xác định CNXH, đấu tranh thống nhất đất nước, phù hợp với bối cảnh lịch sử giai đoạn đó.

1.3.2. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự 1985

Ngày 27/6/1985, Quốc hội khoá VII - Nước cộng hoà XHCN Việt Nam thông qua Bộ luật hình sự đầu tiên trong lịch sử lập pháp. Đây là Bộ luật hình sự đầu tiên nhưng thực sự chỉ là kết quả của quá trình hệ thống hoá (có sửa đổi, bổ sung) các văn bản pháp luật trước đó. Do vậy, các tình tiết tăng nặng TNHS trong Bộ luật hình sự 1985 cũng không có sự thay đổi nhiều so với trước đó. Một số tình tiết tăng nặng trước đó đã được lược bỏ để phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh mới; một số tình tiết mới được bổ sung. Theo khoản 1 Điều 39 BLHS 1985 thì các tình tiết tăng nặng TNHS chung bao gồm:

- a) Phạm tội có tổ chức, xúi giục người chưa thành niên phạm tội;*
- b) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, hoàn cảnh thiên tai hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội;*
- c) Lợi dụng chức vụ cao để phạm tội;*
- d) Phạm tội trong thời gian đang chấp hành hình phạt;*
- đ) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, tàn ác trong khi phạm tội hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;*
- e) Phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già, người ở trong tình trạng không thể tự vệ được hoặc đối với người lệ thuộc mình về mặt vật chất công tác hay mặt khác;*
- g) Phạm tội vì động cơ đê hèn, cố tình thực hiện tội phạm đến cùng;*

- h) Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng;*
- i) Phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm;*
- k) Sau khi phạm tội đã có những hành động xảo quyệt, hung hãn, nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm". [5, tr 34 – 35].*

Những tình tiết tăng nặng trên, tùy theo tính chất, đã được quy định là tình tiết tăng nặng định khung trong một số tội. Như các tình tiết phạm tội có tổ chức, lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai, thủ đoạn xảo quyệt, tàn ác khi phạm tội, phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm, hậu quả nghiêm trọng của tội phạm. Ngoài ra, còn có một số tình tiết khác đóng vai trò định khung tăng nặng trong các tội phạm cụ thể như: Phạm tội có tính chất côn đồ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn, lợi dụng nghề nghiệp, phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, hành hung tẩu thoát. Như vậy, một số tình tiết tăng nặng đã được loại bỏ như: ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, dùng tài sản phạm tội để kinh doanh, bóc lột, đầu cơ, có móc ngoặc, phạm tội vì động cơ hưởng lạc, thủ đoạn phạm tội táo bạo, bị ổi. Đặc biệt, về nhân thân xấu để tăng nặng TNHS cũng được thu hẹp. Xâm phạm tài sản XHCN vẫn được coi là tình tiết tăng nặng định tội đối với loại tội phạm xâm phạm tài sản, bởi vì lúc đó chúng ta đang chủ trương xác định một nền kinh tế với hai hình thức sở hữu chủ yếu là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Bởi vậy, các tội xâm phạm tài sản XHCN và xâm phạm tài sản công dân đã được quy định thành hai chương riêng biệt. Ngoài ra, còn một tình tiết tăng nặng chung được bổ sung là phạm tội trong thời gian chấp hành hình phạt (khác với tái phạm). Bộ luật hình sự 1985 đã qua 4 lần sửa đổi, bổ sung và các tình tiết tăng nặng TNHS cũng có nhiều điều chỉnh quan trọng. Trước hết là việc bổ sung tình tiết tăng nặng chung "Lợi dụng chức vụ cao để phạm tội". Cơ sở lý luận để quy định tình tiết tăng nặng này là nhằm đấu tranh có hiệu quả hơn với loại tội phạm nham nhữg. Bởi vì, sau khi nền kinh tế đất nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường thì tình trạng tham nhũng xảy ra hết sức nghiêm trọng. Về cơ sở lý luận, rõ ràng, người có chức vụ cao nhờ có quyền lực, uy tín sẽ dễ dàng thực hiện tội phạm hơn. Tuy nhiên, vấn đề khó là việc xác định như thế nào là người có chức vụ cao. Một trong những sửa đổi quan trọng là việc coi đối tượng tác động của tội phạm là trẻ em, người chưa thành niên là tình tiết tăng nặng định tội trong các tội

xâm phạm tình dục. Vì vậy, có 2 tội mới được quy định trong Bộ luật hình sự "Tội hiếp dâm trẻ em" (Điều 112a BLHS), "Tội cưỡng dâm người chưa thành niên" (Điều 113a BLHS). Rõ ràng, hành vi xâm phạm tình dục trẻ em không chỉ ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, sức khỏe trẻ em là đối tượng bảo vệ đặc biệt của pháp luật, của xã hội mà còn chà đạp lên luân thường đạo lý. Do đó, việc xâm phạm tình dục đối với trẻ em đã làm thay đổi tính chất nguy hiểm cho xã hội của loại tội phạm này. Vì vậy, tách các tội phạm xâm phạm tình dục trẻ em thành những tội riêng biệt là hết sức cần thiết. Cũng bắt đầu từ những năm 90 của thế kỷ XX, các tội phạm về tham nhũng, ma túy, tình dục gia tăng một cách đáng báo động. Hậu quả của tội phạm cũng đặc biệt nghiêm trọng. Điều đó cũng có nghĩa rằng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm tăng lên rất nhiều. Do đó, để đảm bảo yêu cầu cá thể hoá hình phạt, thì cần tăng thêm một số khung hình phạt. Nhiều tội trước đây chỉ có 3 khung hình phạt nay thành 4 khung hình phạt. Cùng với điều đó, nhằm xử lý nghiêm hơn những loại tội phạm đang gia tăng này, BLHS năm 1985 có thêm loại tình tiết tăng nặng định khung đặc biệt chỉ có ở loại tội có hai khung hình phạt tăng nặng trở lên. Nội dung của tình tiết tăng nặng định khung này là: nếu tội phạm có nhiều tình tiết (tăng nặng) ở một khung thì sẽ bị xử lý theo khung hình phạt nặng hơn. Ví dụ: như ở "Tội lừa đảo, chiếm đoạt tài sản XHCN" (Điều 134 BLHS) chẳng hạn, nếu tội phạm gây ra ít nghiêm trọng nhưng có hai tình tiết tăng nặng ở khoản 2 là "phạm tội có tổ chức" và "tội phạm nguy hiểm" chẳng hạn thì phải xử lý theo điểm b khoản 3. Bởi vì điểm b khoản 3 quy định "Có nhiều tình tiết tại khoản 2 điều này". Các tội có tình tiết tăng nặng loại này gồm: Tội hiếp dâm (Điều 112 BLHS), Tội cưỡng dâm (Điều 113 BLHS), Tội cưỡng dâm người chưa thành niên (Điều 113a BLHS), Tội tham ô tài sản XHCN (Điều 133 BLHS), Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản XHCN (Điều 134 BLHS), Tội sử dụng trái phép tài sản XHCN (Điều 137 BLHS), Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản XHCN (Điều 137a), các tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, chiếm đoạt chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và cưỡng bức lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy được quy định ở chương các tội phạm về ma túy.

1.3.3. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự năm 1999

Sau hơn 14 năm tồn tại, tuy đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần, nhưng Bộ luật hình sự 1985 vẫn bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế. Nhằm khắc phục những điều đó và đảm bảo phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội giai đoạn mới. Nhà nước ta đã xây dựng Bộ luật hình sự mới trên cơ sở kế thừa, phát triển hệ thống pháp luật về hình sự trước đó của nước ta, những kinh nghiệm được rút ra từ thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm và thực tiễn xét xử. Theo tinh thần đó các tình tiết tăng nặng TNHS cũng được hoàn thiện trong BLHS 1999.

Kết luận chương 1

Với các nội dung trình bày trong 3 mục của chương 1, tác giả đã tập trung phân tích, luận giải những vấn đề lý luận cơ bản nhất về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bao gồm:

1. Nghiên cứu, phân tích những vấn đề lý luận về khái niệm, đặc điểm của trách nhiệm hình sự.
2. Nghiên cứu phân tích một số vấn đề lý luận về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong đó bao gồm khái niệm, đặc điểm của các tình tiết tăng nặng TNHS.
3. Trên cơ sở phân tích những lý luận chung đó giúp việc hiểu và áp dụng pháp luật một cách đúng đắn nhất, từ đó chỉ ra được những điểm hợp lý và những điểm còn bất cập trong quy định của BLHS.

Chương 2

CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 2015

Các tình tiết tăng nặng TNHS đều thể hiện việc làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, song do các tình tiết đó đều là biểu hiện sự nguy hiểm hơn của các yếu tố cấu thành tội phạm, của nhân thân người phạm tội, nên giữa các tình tiết có sự khác nhau về tính chất.

Căn cứ theo tiêu chí này, các tình tiết tăng nặng TNHS được chia thành:

- Tình tiết tăng nặng TNHS thuộc yếu tố chủ quan của tội phạm.
- Tình tiết tăng nặng TNHS thuộc nhân thân người tội phạm.
- Tình tiết tăng nặng TNHS thuộc yếu tố khác quan của tội phạm.

Cách phân loại này sẽ giúp chúng ta một phần trong việc đánh giá đúng ý nghĩa của từng tình tiết tăng nặng đối với từng loại tội phạm, đưa ra các phạm vi áp dụng của từng loại tình tiết tăng nặng.

2.1. Các tình tiết tăng nặng TNHS thuộc yếu tố mặt khách quan của tội phạm

Là những tình tiết phản ánh dấu hiệu bên ngoài của tội phạm, có ý nghĩa làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm so với những trường hợp phạm tội tương đương không có những tình tiết này. Những tiết này phản ánh tính chất hành vi, công cụ, phương tiện, thủ đoạn, đối tượng phạm tội, hậu quả tội phạm, đó là các tình tiết sau:

2.1.1. Phạm tội có tổ chức (điểm a khoản 1 Điều 52)

Theo quy định định thì tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội có tổ chức” của BLHS năm 2015 cơ bản vẫn được giữ nguyên so với tình tiết tăng nặng TNHS của BLHS năm 1999.

Phạm tội có tổ chức, là một hình thức đồng phạm, có sự phân công, sắp đặt vai trò của những người tham gia. Trong đó mỗi người thực hiện một hoặc một số hành vi và phải chịu sự điều khiển của người cầm đầu.

Phạm tội có tổ chức khác với tổ chức phạm tội. Ở BLHS năm 2015 đã quy định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với một tổ chức (pháp nhân). Vì vậy, không có khái niệm tổ chức phạm tội trong luật hình sự Việt Nam, mặc dù trong xã hội

vẫn có thể có một tổ chức phạm tội dưới hình thức “Băng, Đảng” do một số người thành lập hoặc có sự cấu kết để hoạt động phạm tội. Tuy nhiên, khi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của các tổ chức này thì chỉ truy cứu từng cá nhân trong tổ chức đó. Ví dụ: Trong vụ án Năm Cam là một tổ chức hoạt động theo kiểu “xã hội đen” do Trương Văn Cam (Năm Cam) cầm đầu thực hiện nhiều hành vi phạm tội trong một thời gian dài trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương khác, nhưng cơ quan tiến hành tố tụng chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự từng cá nhân trong tổ chức “Năm Cam” chứ không truy cứu “tổ chức Năm Cam”

Phạm tội có tổ chức khác với người tổ chức trong vụ án có đồng phạm, vì người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu chỉ huy việc thực hiện tội phạm, nói lên vai trò, nhiệm vụ của một người trong một vụ án có đồng phạm, còn phạm tội có tổ chức lại nói lên quy mô của tính chất, mức độ nguy hiểm mà tội phạm đó đã xảy ra. Tất nhiên phạm tội có tổ chức bao giờ cũng có người tổ chức (người cầm đầu), nhưng không phải chỉ có người tổ chức mới bị áp dụng tình tiết tăng nặng này mà tất cả những người tham gia. Phạm tội có tổ chức cũng khác với hành vi tổ chức trong một số tội phạm như: tổ chức tảo hôn (Điều 148 BLHS 1999, Điều 183 BLHS 2015), tổ chức đánh bạc (Điều 249 BLHS 1999, Điều 322 BLHS 2015), tổ chức người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép (Điều 275 BLHS 1999, Điều 349 BLHS 2015). Đối với các hành vi phạm tội này có thể có trường hợp phạm tội có tổ chức, nhưng không phải tất cả các hành vi phạm tội trên đều bị coi là phạm tội có tổ chức đều bị coi là phạm tội có tổ chức.

Ngoài việc nhà làm luật quy định tình tiết “phạm tội có tổ chức” là yếu tố định khung hình phạt đối với các tội phạm đã nêu ở trên, thì còn quy định tình tiết này là yếu tố định tội đối với các tội như: tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 79 BLHS 1999, Điều 109 BLHS 2015); tội bạo loạn (Điều 82 BLHS 1999, Điều 112 BLHS 2015). Các trường hợp phạm tội này đều quy định tình tiết “phạm tội có tổ chức” là dấu hiệu định tội. Do đó, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo phạm các tội này, Tòa án không được áp dụng tình tiết “phạm tội có tổ chức” là tình tiết tăng nặng đối với người phạm tội nữa.

Thực tiễn áp dụng tình tiết tăng nặng này cho thấy, do chưa thấy hết tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi do người tổ chức thực hiện, nên một số Tòa

án thường quyết định mức hình phạt đối với người thực hành cao hơn người tổ chức vì cho rằng, người tổ chức không trực tiếp thực hiện tội phạm, không trực tiếp gây ra thiệt hại. Ví dụ: Trần Văn A, Đinh Văn H, Vũ Xuân T và Phạm Thanh B do Trần Văn K cầm đầu đã bàn bạc, chuẩn bị dao găm, giầy thừng, quả chanh, giẻ bịt miệng đến nhà chị Bùi Thị Ngọc Dung để cướp tài sản. Trước khi đi, K phân công H và T cầm dao găm, giầy thừng, quả chanh, giẻ bịt miệng vào nhà khống chế chị D, còn B ở ngoài canh gác. Sau khi cướp được tài sản, K sẽ đón cả bọn tại quán bia. Thực hiện kế hoạch trên, Đinh Văn H, Vũ Xuân T đột nhập vào nhà chị D, H dùng dao găm khống chế chị D, còn T lục soát tài sản lấy đi 2.000 USD, 2 lượng vàng, 60 triệu đồng tiền Việt Nam và một số nữ trang khác, trong khi lục soát để lấy tài sản, lợi dụng lúc H không chú ý, chị D đã lấy được chiếc kéo để ở mặt bàn đâm H 1 nhát rồi bỏ chạy kêu “cướp ! cướp !” thấy H bị đâm, T lấy dao của H đuổi theo chị D đâm chị Dung nhiều nhát vào vai, vào sườn làm chị D gục ngã và bị chết trên đường đi cấp cứu. Khi xét xử vụ án này, cả Toà án cấp sơ thẩm và Toà án cấp phúc thẩm đều kết án Vũ Xuân T tử hình về tội giết người và 8 năm tù về tội cướp tài sản, vì cho rằng T là tên thủ ác, trực tiếp đâm chết chị D còn Trần Văn K tuy với vai trò cầm đầu nhưng không trực tiếp gây ra cái chết cho chị D nên Toà án chỉ phạt Trần Văn K 10 năm tù về tội giết người và 5 năm tù về tội cướp, tổng hợp hình phạt buộc K phải chấp hành hình phạt chung là 15 năm tù. Việc quyết định hình phạt như trên của Toà án cấp sơ thẩm và Toà án cấp phúc thẩm rõ ràng là không đúng với vai trò của K trong vụ án, là tên cầm đầu, chỉ huy.

Khi quyết định hình phạt đối với trường hợp phạm tội có tổ chức, cần chú ý: Dù với vai trò nào thì tất cả những người trong vụ án đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng là "phạm tội có tổ chức". Tuy nhiên, mức độ tăng nặng nhiều hay ít đối với từng người còn tùy thuộc vào vai trò của họ trong vụ án như đã phân tích ở trên.

Đối với vụ án có nhiều người tham gia và bị kết án về nhiều tội khác nhau thì cần phân biệt, tội phạm nào là trường hợp phạm tội có tổ chức, tội phạm nào chỉ là đồng phạm thông thường không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức; bị cáo nào phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội có tổ chức” thì mới bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội có tổ chức”.

2.1.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội (điểm c khoản 1 Điều 52)

Theo quy định định thì tình tiết tăng nặng TNHS “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội” của BLHS năm 2015 vẫn được giữ nguyên so với tình tiết tăng nặng TNHS của BLHS năm 1999.

Theo từ điển tiếng Việt: Chức là “Danh vị thể hiện cấp bậc, quyền hạn và trách nhiệm của một người trong hệ thống tổ chức của Nhà nước hay đoàn thể. “Có chức thì có quyền” - Chức vụ được hiểu là: “Nhiệm vụ tương ứng với chức”. Quyền hạn được hiểu là: “Quyền được xác định về nội dung, phạm vi, mức độ. *Quyết định trong phạm vi quyền hạn của mình*” [42, tr.185 - 786]; hoặc có thể hiểu: người có quyền hạn là người được quyền định đoạt và điều hành công việc trong phạm vi, mức độ được giao.

Người có chức vụ, quyền hạn là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ.

Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội là tội phạm xảy ra do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện và hành vi phạm tội đó có liên quan trực tiếp đến chức vụ, quyền hạn của họ, nếu họ không có chức vụ, quyền hạn đó thì khó có thể thực hiện việc phạm tội; chức vụ, quyền hạn là điều kiện thuận lợi để người phạm tội thực hiện tội phạm một cách dễ dàng. Tuy nhiên người phạm tội có lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội thì mới bị coi là có tình tiết tăng nặng. Nếu tội phạm do họ thực hiện không có liên quan gì đến chức vụ, quyền hạn của họ thì dù họ có chức vụ, quyền hạn gì đi chăng nữa cũng không bị coi là có tình tiết tăng nặng này. Ví dụ: N là sỹ quan quân đội, do nghi ngờ vợ mình ngoại tình nên đã dùng súng K54 được đơn vị trang bị để bắn gây thương tích vợ và người hàng xóm. Không thể coi hành vi của N là lợi dụng chức vụ quyền hạn được.

Trước đây, BLHS 1985 chỉ quy định tình tiết “lợi dụng chức vụ cao để phạm tội”, nhưng khi áp dụng trong thực tiễn đã nảy sinh nhiều vướng mắc trong việc hiểu thế nào là người “có chức vụ cao” nên rất khó áp dụng tình tiết này và việc áp dụng không thống nhất. Đến BLHS 1999 và BLHS 2015 quy định tình tiết “lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội” thay cho tình tiết “lợi dụng chức vụ cao để

phạm tội” là hoàn toàn phù hợp, có cơ sở khoa học và thực tiễn để giải thích và hướng dẫn áp dụng.

2.1.3. Phạm tội có tính chất côn đồ (điểm d khoản 1 Điều 52)

Theo quy định định thì tình tiết tăng nặng TNHS “Phạm tội có tính chất côn đồ” của BLHS năm 2015 vẫn được giữ nguyên so với tình tiết tăng nặng TNHS của BLH năm 1999.

Theo quy định tại điều 39 BLHS 1985 thì tình tiết này chưa được quy định là tình tiết tăng nặng, mà đây là tình tiết định khung hình phạt với một số tội phạm cụ thể như tội cố ý gây thương tích, tội giết người...

Đến BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 thì tình tiết này vẫn là tình tiết định khung đối với các tội trên song nó được bổ sung là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt đối với các tội khác.

Phạm tội có tính chất côn đồ là trường hợp khi phạm tội, người phạm tội đã rõ ràng coi thường các quy tắc trong cuộc sống, có những hành vi ngang ngược, càn quấy, bất chấp sự can ngăn của người khác, chỉ vì những duyên cớ nhỏ nhặt nhưng cũng cố tình gây sự để phạm tội.

Tính chất côn đồ của hành vi phạm tội phụ thuộc vào cả hai yếu tố: Nhân thân người phạm tội và không gian, thời gian, địa điểm nơi xảy ra tội phạm. Khi xem xét nhân thân người phạm tội không chỉ xem xét quá khứ của họ mà phải xem xét cả tính cách, thái độ xử sự của họ trong cuộc sống hàng ngày. Thực tiễn xét xử cho thấy, không phải bao giờ người có nhiều tiền án, tiền sự khi phạm tội đều có tính chất côn đồ, mà không ít trường hợp, người phạm tội chưa có tiền án, tiền sự nhưng hành vi phạm tội của họ lại mang tính chất côn đồ.

Khi xem xét xác định trường hợp phạm tội có tính chất côn đồ cần phải xem xét một cách toàn diện, không nên xem xét một cách phiến diện như chỉ nhấn mạnh đến yếu tố nhân thân hoặc chỉ nhấn mạnh đến địa điểm xảy ra vụ án hay chỉ nhấn mạnh đến hành vi cụ thể mà người phạm tội thực hiện. Tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ cũng là tình tiết định tội, hoặc định khung tăng nặng của một số tội như tội giết người (điểm n khoản 1 điều 93 BLHS, điểm n khoản 1 điều 123 BLHS 2015). Do đó, khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội này thuộc trường

hợp có tính chất côn đồ thì cần chú ý không coi tình tiết này là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nữa.

2.1.4. Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai, người đủ 70 tuổi trở lên (điểm i khoản 1 Điều 52)

BLHS năm 2015 đã quy định rõ các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự sau: Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai, người đủ 70 tuổi trở lên (trước đây, quy định phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai và người già).

Phạm tội với người dưới 16 tuổi: Từ khi ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng và sự quản lý, điều hành xã hội của Nhà nước, Đảng và Nhà nước ta luôn có những chủ trương, chính sách quan tâm, ưu tiên và bảo vệ đặc biệt đối với trẻ em, phụ nữ có thai và người già.

Phạm tội với trẻ em là trường hợp người phạm tội xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và các quyền khác mà trẻ em có theo quy định của pháp luật.

Theo Điều Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em thì người dưới 16 tuổi là trẻ em.

Phạm tội với trẻ em được coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không chỉ xuất phát từ quan điểm bảo vệ trẻ em là bảo vệ tương lai của đất nước, bảo vệ lớp người kế thừa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mà còn là những người không có khả năng tự vệ.

Tình tiết “phạm tội đối với trẻ em” không chỉ là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mà trong nhiều trường hợp nó là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt. Vì vậy, khi BLHS quy định tình tiết này là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt, thì không được coi là yếu tố tăng nặng khi quyết định hình phạt nữa.

Khi áp dụng tình tiết này cần chú ý một số điểm như sau:

Việc xác định tuổi của người bị tội phạm tác động được coi là trẻ em là một yêu cầu bắt buộc hết sức quan trọng của các cơ quan tiến hành tố tụng. Quá trình chứng minh tuổi của người bị tội phạm xâm hại là trẻ em có thể bao gồm: bản sao giấy khai sinh, nếu không có giấy khai sinh thì phải có các tài liệu chứng minh là người chưa đến 16 tuổi. Thậm chí có những trường hợp đã có giấy khai sinh rồi nhưng vẫn chưa khẳng định được tuổi chính xác của người bị tội phạm xâm hại thì

cần phải có sự giám định nếu có một trong các bên yêu cầu giám định tuổi hoặc khiếu nại về tuổi của nạn nhân; vì có những trường hợp tuy đã có giấy khai sinh nhưng vẫn chưa chính xác về tuổi của người bị tội phạm xâm hại, làm cho việc xét xử vụ án không sát thực và không đúng đắn.

Thực tiễn xét xử cho thấy, có rất nhiều trường hợp việc xác định tuổi của người bị tội phạm xâm hại gặp rất nhiều khó khăn, các cơ quan tiến hành tố tụng đã áp dụng nhiều biện pháp nhưng vẫn không xác định được tuổi của người đó. Chẳng hạn, ở địa bàn huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị, là nơi có số lượng người dân tộc thiểu số sinh sống nhiều, việc làm giấy khai sinh ở giai đoạn trước đây không đầy đủ, cho nên có nhiều trường hợp đến nay vẫn chưa có giấy khai sinh hoặc làm giấy khai sinh sau khi sinh 5 đến 10 năm (thậm chí nhiều hơn) nên ngày tháng năm sinh trong giấy khai sinh không chính xác, có trường hợp người bị hại không biết ngày tháng năm sinh của mình nên các cơ quan tiến hành tố tụng đến hỏi bố mẹ của bị hại, có người thì bảo họ sinh con họ (bị hại) vào mùa mưa của năm, có người thì bảo con tôi sinh vào mùa hạ...; vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng không thể đoán chừng ngày, tháng, năm sinh của người bị tội phạm xâm hại theo những lời khai trên được mà phải tuân thủ một nguyên tắc thống nhất về vấn đề này

Phạm tội với trẻ em không phải là tình tiết thuộc ý thức chủ quan của người phạm tội mà là tình tiết khách quan, do đó không cần phải người phạm tội nhận thức được hoặc buộc họ phải nhận thức được đối tượng mà mình xâm phạm là trẻ em thì mới coi là tình tiết tăng nặng, mà chỉ cần xác định người mà phạm tội xâm phạm là trẻ em thì người phạm tội đã bị coi là phạm tội đối với trẻ em rồi. Mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự của tình tiết này phụ thuộc vào độ tuổi của nạn nhân. Nếu trẻ càng ít tuổi thì sự kháng cự càng yếu ớt thì mức tăng nặng càng nhiều.

Phạm tội với phụ nữ có thai: Phụ nữ là đối tượng vốn được xem là “chân yếu, tay mềm”, là “phái yếu”. Đặc biệt, đối với phụ nữ đang trong thời kỳ mang thai lại càng có những hạn chế hơn về thể chất so với những người phụ nữ bình thường khác. Phụ nữ đang mang thai là giai đoạn trong cơ thể họ đang hình thành và phát triển sự sống mới (bào thai). Thời kỳ này, cơ thể người phụ nữ trải qua nhiều thay đổi về tâm sinh lý, rất dễ bị tổn thương về sức khỏe cho cả mẹ và thai nhi. Phụ nữ đang mang thai cũng là người không có khả năng hoặc hạn chế khả

năng tự vệ. Trong thời kỳ mang thai, nếu có tác động tiêu cực từ bên ngoài đối với người phụ nữ sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường, gây nguy hiểm đối với thai nhi và sức khỏe của người mẹ. Bảo vệ phụ nữ đang mang thai không chỉ là bảo vệ chính họ mà còn bảo vệ thế hệ tương lai.

Phạm tội với phụ nữ có thai là trường hợp phạm tội xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm và các quyền khác của người phụ nữ có thai. Nếu như điều 46BLHS 1999 hoặc điều 51 BLHS 2015, người phạm tội là phụ nữ có thai thì họ được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thì ở đây người bị hại là phụ nữ có thai lại là tình tiết tăng nặng đối với người phạm tội. Như vậy, người phụ nữ có thai là đối tượng được pháp luật đặc biệt bảo vệ.

Cũng như trường hợp phạm tội đối với trẻ em, phạm tội đối với phụ nữ có thai không phải là tình tiết thuộc ý thức chủ quan của người phạm tội, nên không yêu cầu người phạm tội phải biết người mà mình xâm phạm đang mang thai thì mới coi là tình tiết tăng nặng.

Phạm tội đối với phụ nữ có thai cũng có trường hợp là yếu tố định khung hình phạt, như tại điểm e khoản 1, khoản 3 Điều 134 BLHS 2015 về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, nhưng chủ yếu là tình tiết tăng nặng.

Khi áp dụng tình tiết tăng nặng này đối với người phạm tội cần chú ý một số điểm sau:

Người phụ nữ đang có thai, không kể cái thai đó đang ở tháng thứ mấy.

Việc xác định người phụ nữ có thai hay không nhất thiết phải do giám định viên hoặc bác sĩ chuyên khoa.

Chỉ áp dụng tình tiết này đối với các tội xâm phạm đến phụ nữ có thai khi hành vi của người phạm tội trực tiếp hoặc gián tiếp xâm phạm đến sự phát triển bình thường của thai nhi.

Phạm tội với người đủ 70 tuổi trở lên: Là trường hợp người phạm tội xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và các quyền khác của người già. Người già được xác định là người từ 70 tuổi trở lên (tiểu mục 2.4 mục 2 Nghị quyết số 01/2006/NQ- HĐTP).

Việc các nhà làm luật quy định phạm tội đối với người già là một tình tiết tăng nặng là xuất phát từ chính sách lớn của Đảng và nhà nước ta là bảo vệ, chăm sóc người già, vừa là chuẩn mực đạo đức xã hội, vừa là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Phạm tội đối với người già, người phạm tội đã xâm phạm đến những người mà lẽ ra họ phải kính trọng, xâm phạm đến người bị hạn chế khả năng chống cự lại hành vi xâm phạm đến lợi ích của mình và đồng thời xâm phạm đến đạo đức xã hội, truyền thống dân tộc và chính sách của Đảng và nhà nước.

Người già là người phải đến một độ tuổi nhất định. Nếu phạm tội đối với người chưa đến độ tuổi đó thì không coi là phạm tội đối với người già. Theo điểm i, điều 52, BLHS 2015 đã quy định rõ. Phạm tội đối với người 70 tuổi trở lên mới là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai, người đủ 70 tuổi trở lên” được coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không chỉ xuất phát từ quan điểm bảo vệ trẻ em là bảo vệ tương lai của đất nước, bảo vệ lớp người kế tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; bảo vệ phụ nữ đang mang thai là bảo vệ chính họ và bảo vệ thế hệ tương lai; bảo vệ người già là bảo vệ thuần phong, mỹ tục, truyền thống đạo lý của dân tộc, mà còn xuất phát từ một thực tế là người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai, người đủ 70 tuổi trở lên là người không có khả năng hoặc hạn chế khả năng tự vệ, và đây là lý do chính mà nhà làm luật quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 BLHS 2015.

2.1.5. Phạm tội với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc vào mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác (điểm k khoản 1 Điều 52)

Theo quy định định thì tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội với người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng” của BLHS năm 2015 là những điểm mới so với tình tiết tăng nặng TNHS của BLHS năm 1999 còn những tình tiết còn lại cơ bản là giống nhau.

- Phạm tội với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được là: Người trong tình trạng không có hoặc bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển

hành vi của mình; bị bệnh tật; đang ngủ say, đang ở trong tình thế không chống đỡ được, không tự vệ được...

Đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già cũng có trường hợp ở trong tình trạng không thể tự vệ được, nhưng pháp luật đã quy định thành tiết tăng nặng riêng. Trong trường hợp cụ thể nào đó mà trẻ em, phụ nữ có thai hoặc người già bị xâm phạm trong tình trạng không thể tự vệ được thì mức tăng nặng hình phạt đối với người phạm tội nhiều hơn trường hợp không phải tình trạng này.

Khi xác định người phạm tội có phải chịu tình tiết tăng nặng này không, Tòa án cả phải căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, chứ không chỉ căn cứ vào khả năng không tự vệ được của nạn nhân mà đã vội kết luận là bị cáo đã phạm tội trong trường hợp tăng nặng này.

Tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân phải xảy ra lúc người phạm tội thực hiện tội phạm, không kể người phạm tội có ý thức lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân để phạm tội hay không.

Mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự của tình tiết này phụ thuộc vào khả năng tự vệ của nạn nhân nhiều hay ít. Nếu khả năng tự vệ hoàn toàn bị mất thì mức độ tăng nặng nhiều hơn trường hợp nạn nhân còn ít khả năng tự vệ nhưng vẫn không tự vệ được.

- Phạm tội với người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng: Người khuyết tật nặng là những người do khuyết tật dẫn đến mất một phần hoặc suy giảm chức năng, không tự kiểm soát hoặc không tự thực hiện được một số hoạt động đi lại, mặc quần áo, vệ sinh cá nhân và những việc khác phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày mà cần có người theo dõi, trợ giúp, chăm sóc.

- Người khuyết tật đặc biệt nặng là những người do khuyết tật dẫn đến mất hoàn toàn chức năng, không tự kiểm soát hoặc không tự thực hiện được các hoạt động đi lại, mặc quần áo, vệ sinh cá nhân và những việc khác phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày mà cần có người theo dõi, trợ giúp, chăm sóc hoàn toàn.

Phạm tội với người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng là trường hợp người phạm tội xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và các quyền khác của người khuyết tật.

Người khuyết tật mặc dù là một trong những nhóm người dễ bị tổn thương như đã phân tích ở trên nhưng lại chưa được quan tâm bảo vệ một cách xứng đáng, trong khi đó cả ba nhóm người phụ nữ có thai, trẻ em và người già đều được pháp luật hình sự bảo vệ bằng các qui định về tình tiết tăng nặng “*phạm tội đối với phụ nữ có thai, trẻ em, người già*” cũng như tình tiết giảm nhẹ “*người phạm tội là phụ nữ có thai, trẻ em, người già*” hay quy định là tình tiết định khung tăng nặng của một số tội phạm. Điều này đã dẫn đến tình trạng trong những năm vừa qua con số những người khuyết tật bị xâm hại về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, tài sản hoặc thậm chí bị xâm hại về tình dục... ngày một gia tăng.

Với việc bổ sung tình tiết phạm tội đối với người khuyết tật, BLHS đã nâng cao hơn nữa việc bảo vệ quyền của người khuyết tật đồng thời cũng thể hiện sự tương thích với Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật, tương thích với Luật người khuyết tật về các hành vi đối xử với người bị khuyết tật bị cấm. Cụ thể là dấu hiệu “*phạm tội đối với người bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng*” được coi là dấu hiệu định khung tăng nặng của một số tội.

Bên cạnh đó dấu hiệu “*phạm tội đối với người bị khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng*” cũng được coi là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự qui định tại điểm k, khoản 1, điều 52, BLHS 2015. Với việc bổ sung thêm tình tiết tăng nặng mới này, BLHS cho phép áp dụng tình tiết này để xác định mức độ trách nhiệm hình sự đối với mọi tội phạm, mọi hành vi phạm tội mà có xâm hại đến người khuyết tật cho dù người phạm tội biết hay không biết người mà mình xâm hại là người khuyết tật.

BLHS 2015 đã mở rộng phạm vi bảo vệ quyền của người khuyết tật dưới góc độ pháp luật hình sự bằng việc qui định thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự để áp dụng cho mọi tội phạm. Không những thế, đối với người phạm tội là người khuyết tật, BLHS cũng coi đó là một trường hợp chủ thể phạm tội phải được hưởng chính sách nhân đạo của nhà nước bằng việc qui định là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm p, khoản 1, điều 51, BLHS 2015.

- Phạm tội với người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc vào mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác: Phạm tội với người lệ thuộc về mặt vật chất, công tác hay các mặt khác là trường hợp người phạm tội

xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và các quyền khác của người bị lệ thuộc mình về mặt vật chất công tác hay các mặt khác. Dấu hiệu đặc trưng của tình tiết này là mối quan hệ lệ thuộc giữa người phạm tội và người bị hại, trong đó người bị hại là người bị lệ thuộc vào người phạm tội. Sự lệ thuộc này có thể là lệ thuộc về mặt vật chất như người làm công với ông chủ..cũng như có thể lệ thuộc về mặt công tác như nhân viên với thủ trưởng hoặc lệ thuộc các mặt khác như học sinh với thầy giáo, thầy thuốc với bệnh nhân. Sự lệ thuộc này phải có tính chất rõ nét, có sự ràng buộc giữa người phạm tội với người bị hại, nếu không có sự ràng buộc này thì không thuộc trường hợp này. Mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự của tình tiết này tùy thuộc vào mối quan hệ lệ thuộc giữa nạn nhân với bị cáo và vào nghĩa vụ của bị cáo đối với nạn nhân. Nếu mối quan hệ càng sâu sắc, nghĩa vụ của bị cáo đối với nạn nhân càng lớn thì mức tăng nặng càng nhiều và ngược lại.

2.1.6. Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội (điểm i khoản 1 Điều 52)

Theo quy định định thì tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội” của BLHS năm 2015 vẫn được giữ nguyên so với các tình tiết tăng nặng của BLHS 1999.

Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh để phạm tội: là trường hợp người phạm tội đã lợi dụng hoàn cảnh có chiến tranh để thực hiện tội phạm. Việc thực hiện tội phạm do lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh có thể được thuận lợi hơn, khó bị phát hiện hoặc có thể đạt được mục đích lớn hơn.

Người phạm tội phải thật sự lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh để phạm tội thì mới được coi là tình tiết tăng nặng. Nếu họ phạm tội trong lúc đang có chiến sự nhưng không có ý thức lợi dụng hoàn cảnh đó thì cũng không thuộc trường hợp này.

Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh để phạm tội không nhất thiết lúc phạm tội hoặc nơi phạm tội phải đang có chiến sự mà chỉ cần người phạm tội lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh để gây án dù xảy ra ở đâu, lúc nào vẫn bị coi là tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Hiện nay, đất nước ta không còn chiến tranh, nhưng không phải vì thế mà không còn có người lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh để phạm tội, bởi vì trên thế giới, ở nước này hoặc nước khác chiến tranh vẫn còn xảy ra và ở nơi đó lại có người Việt Nam định cư đã lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh của nước sở tại để phạm tội rồi hồi hương về Việt Nam mới bị truy tố xét xử, thì người phạm tội đó vẫn bị áp dụng tình tiết “ lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh để phạm tội” Mức tăng nặng trách nhiệm của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ lợi dụng nhiều hay ít vào hoàn cảnh chiến tranh xảy ra lúc gây án.

Lợi dụng tình trạng khẩn cấp để phạm tội: Lợi dụng tình trạng khẩn cấp để phạm tội là trường hợp người phạm tội đã lợi dụng tình trạng khẩn cấp trong đời sống xã hội để thực hiện hành vi phạm tội.

Bộ luật hình sự năm 1999 quy định trường hợp phạm tội này là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó Bộ luật hình sự năm 2015 quy định trường hợp lợi dụng tình trạng khẩn cấp để phạm tội là hoàn toàn phù hợp với thực tiễn xét xử.

Tình trạng khẩn cấp là tình trạng cấp bách của xã hội và của cá nhân mỗi người, khi ở trong tình trạng đó mọi người đều tập trung vào việc giải quyết, cứu chữa kịp thời, nhanh chóng thoát ra khỏi tình trạng đó. Tình trạng khẩn cấp này không phải do thiên tai, địch hoạ hoặc do dịch bệnh gây nên mà do chính con người hoặc do hoàn cảnh xã hội, do cuộc sống gây nên như: Do bị tai nạn, bị hoả hoạn, bị cấp cứu vì bị bệnh hiểm nghèo... Tình trạng này chỉ xảy ra chốc lát, trong một thời gian nhất định, không kéo dài.

Lợi dụng tình trạng khẩn cấp để phạm tội, xét về mặt đạo đức cần phải lên án, vì trong tình trạng đó mọi người tập trung vào việc giải quyết hậu quả, cứu chữa người bị nạn thì người phạm tội lại lợi dụng để thực hiện tội phạm chứng tỏ động cơ, mục đích rất xấu, cần phải trừng trị.

Khi xác định người phạm tội có lợi dụng tình trạng khẩn cấp để thực hiện hành vi phạm tội hay không phải xem họ thực hiện hành vi phạm tội trong một hoàn cảnh nào và hoàn cảnh đó có thật sự là tình trạng khẩn cấp hay không, đồng thời phải xác định người phạm tội phải lợi dụng tình trạng khẩn cấp đó để thực hiện tội phạm thì mới bị coi là "lợi dụng tình trạng khẩn cấp để phạm tội".

Mức độ tăng nặng của tình tiết này phụ thuộc vào ý thức lợi dụng và tính chất mức độ của hành vi phạm tội khi lợi dụng tình

Lợi dụng hoàn cảnh thiên tai để phạm tội: Lợi dụng hoàn cảnh thiên tai để phạm tội là trường hợp người phạm tội đã lợi dụng thiên tai để thực hiện tội phạm.

Thiên tai là những tai hoạ do thiên nhiên gây ra, thiên tai bao giờ cũng gây ra nhưng khó khăn cho xã hội. Những khó khăn này phải đáng kể nếu không nói là đặc biệt, như bị bão lụt, bị động đất.

Người phạm tội phải thực sự lợi dụng những khó khăn do thiên tai gây nên để phạm tội thì mới bị coi là tình tiết tăng nặng. Ví dụ: Trong đợt bão lụt ở Miền Trung trong năm 1999, một số người đã lợi dụng tình hình bão lụt để chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, của nhân dân; lợi dụng việc chuyển hàng cứu trợ cho đồng bào Miền trung để chuyên trở hàng cấm, hàng lậu, lợi dụng những khó khăn do bão lụt gây ra để mua vét hàng hoá bán với giá rất cao nhằm trục lợi.

Mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự của tình tiết này phụ thuộc vào mức khó khăn nhiều hay ít do thiên tai gây ra và ý thức lợi dụng của người phạm tội đối với khó khăn đó.

- Lợi dụng dịch bệnh để phạm tội: Lợi dụng dịch bệnh để phạm tội là trường hợp người phạm tội đã lợi dụng những khó khăn do dịch bệnh gây nên để thực hiện tội phạm

Dịch bệnh là một bệnh truyền nhiễm tràn lan, làm cho nhiều người, nhiều gia súc mắc phải, trong đó có thể có những bệnh nguy hiểm như HIV, dịch hạch, dịch tả nhưng cũng có những bệnh không nguy hiểm như dịch cúm, dịch sốt rét...

Bộ luật hình sự năm 1999 đã quy định trường hợp phạm tội này là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mà nếu thực tiễn xét xử có gặp trường hợp này thì coi đó là trường hợp lợi dụng những khó khăn đặc biệt khắc của xã hội để phạm tội. Do nhu cầu phát triển của xã hội và yêu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm, Bộ luật hình sự năm 2015 quy định trường hợp lợi dụng dịch bệnh để phạm tội là phù hợp với thực tiễn xét xử.

Người phạm tội lợi dụng dịch bệnh để phạm tội chủ yếu đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, các tội phạm về môi trường, cá biệt cũng có trường hợp người phạm tội lợi dụng dịch bệnh để xâm phạm đến tính mạng, sức khoẻ của

người khác như tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 117 BLHS 1999 hoặc Điều 148 BLHS 2015), tội cố ý truyền HIV cho người khác (Điều 118 BLHS 1999 hay điều 149 BLHS 2015).

Mức độ tăng nặng của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất và mức độ của hành vi lợi dụng dịch bệnh để thực hiện hành vi phạm tội của người phạm tội.

- Lợi dụng hoàn cảnh khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội: Ngoài khó khăn thiên tai, dịch họa, dịch bệnh gây nên, còn có những khó khăn đặc biệt khác. Những khó khăn này, có thể xảy ra ở từng nơi, vào từng lúc. Có thể xảy ra ở một địa bàn rộng, nhưng cũng có thể xảy ra ở một làng, một xã, một cơ quan, xí nghiệp trường học v.v..

Khó khăn đặc biệt, thể hiện ở mức độ và phạm vi gây thiệt hại đến người và tài sản. Việc khắc phục đòi hỏi phải tập trung sức người, sức của và phải kịp thời, cấp bách như: tai nạn máy bay, tàu biển, tàu hỏa, sập cầu... gây chết nhiều người, hư hại nhiều tài sản, những khó khăn đặc biệt do công tác quản lý Nhà nước, quản lý xã hội gây nên mà nhà làm luật chưa dự tính được.

Người phạm tội phải có ý thức lợi dụng những khó khăn đặc biệt của xã hội để phạm tội thì mới coi là tình tiết tăng nặng. Nếu không có sự lợi dụng thì không thuộc tình tiết tăng nặng này.

Mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự ở tình tiết này là phụ thuộc vào mức độ lợi dụng nhiều hay ít và khó khăn cụ thể của xã hội lúc họ thực hiện tội phạm.

2.1.7. Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, tàn ác để phạm tội (điểm m khoản 1 Điều 52)

Theo quy định định thì tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, tàn ác để phạm tội” của BLHS năm 2015 vẫn được giữ nguyên so với tình tiết tăng nặng của BLHS năm 1999.

` - Thủ đoạn tinh vi trong khi phạm tội, là người phạm tội có những biểu hiện hết sức phức tạp, cách thức, kín đáo, tinh vi tinh xảo, khó mà nhận ra làm cho người bị hại hoặc những người khác khó thấy được để họ thực hiện hành vi phạm tội.

- Dùng thủ đoạn xảo quyệt trong khi phạm tội, là người phạm tội có những manh mối, cách thức gian dối, thâm hiểm làm cho người bị hại hoặc những người khác khó lường thấy được để đề phòng. Ví dụ: giả vờ nấu hộ cơm, múc hộ nước để

bỏ thuốc độc vào cơm, vào nước để nạn nhân ăn cơm hoặc uống nước đó, hoặc giả vờ âu yếm người vợ hoặc tình nhân rồi bóp cổ nạn nhân chết v.v..

- Dùng thủ đoạn tàn ác trong khi phạm tội, là người phạm tội có những mảnh khoẻ, cách thức độc ác một cách tàn nhẫn, hoặc gây tác hại cho hàng loạt người không chút thương xót như: tra tấn cho tới chết; giết người bằng cách mổ bụng, moi gan, khoét mắt, cắt cổ hoặc bắn vào chỗ đông người, ném lựu đạn vào nơi mọi người trong gia đình đang quây quần bên mâm cơm.

Người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, tàn ác phải dùng trong khi thực hiện tội phạm, nếu thủ đoạn này xảy ra sau khi tội phạm đã hoàn thành thì không thuộc trường hợp phạm tội có tình tiết tăng nặng này. Ví dụ: Trịnh Quang H. đã dùng xẻng xúc phân lợn đánh chết Kiều Khắc T. Sau khi T. chết, H. đã kéo xác T. vào chuồng lợn cắt nạn nhân ra 15 phần đem cất giấu mỗi nơi một bộ phận nhằm che dấu tội phạm. Đây là trường hợp, sau khi phạm tội, đã có những hành động xảo quyệt, hung hãn nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm theo quy định ở điểm o khoản 1 Điều 48 BLHS 1999 hay điểm m khoản 1 điều 52 BLHS 2015

Mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự của tình tiết này tùy thuộc vào tính chất mức độ xảo quyệt, tàn ác của thủ đoạn mà kẻ phạm tội đã thực hiện. Thủ đoạn càng nham hiểm tinh vi, tàn nhẫn bao nhiêu thì mức tăng nặng càng nhiều và ngược lại.

2.1.8. Dùng thủ đoạn, phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người để phạm tội (điểm n khoản 1 Điều 52)

Theo quy định định thì tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Dùng thủ đoạn, phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người để phạm tội” của BLHS năm 2015 được tách từ điểm m khoản 1 Điều 48 BLHS 1999 về nội dung cơ bản là giữ nguyên so với tình tiết tăng nặng của BLHS năm 1999.

Thủ đoạn mà người phạm tội thực hiện chỉ cần có khả năng gây nguy hại cho nhiều người đã bị coi là tình tiết tăng nặng rồi, không cần sự nguy hại đó có thực sự xảy ra hay không. Ví dụ: Để đầu độc một người, kẻ phạm tội đã bỏ thuốc độc xuống giếng nước uống của gia đình người này, nhưng gia đình của nạn nhân đã phát hiện nên không ai bị ngộ độc.

Dùng thủ đoạn, phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người là thủ đoạn mà người phạm tội sử dụng khi thực hiện tội phạm có khả năng gây nguy

hại cho nhiều người đã bị coi là tình tiết tăng nặng, không cần gây hậu quả nguy hại có xảy ra trên thực tế hay không. Ví dụ: cho thuốc độc vào nồi cơm....

Mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự của tình tiết này tùy thuộc vào mức độ nguy hại của thủ đoạn mà người phạm tội đã thực hiện và khả năng thực tế cũng như hậu quả xảy ra. Thủ đoạn càng nguy hiểm, hậu quả xảy ra càng lớn thì mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự càng nhiều và ngược lại.

2.1.9. Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội (điểm o khoản 1 Điều 52)

Theo quy định định thì tình tiết tăng nặng TNHS “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” của BLHS năm 2015 được quy định rõ ràng và cụ thể so với tình tiết tăng nặng TNHS điểm n, khoản 1, BLHS năm 1999.

Xúi giục người dưới 18 tuổi là xúi giục người chưa thành niên phạm tội, chưa phát triển hoàn thiện về thể chất và tinh thần, chưa có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ pháp lý như người đã thành niên.

Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội là hành vi của một người đã kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người chưa thành niên thực hiện tội phạm.

Người xúi giục có thể tham gia trong một vụ án có tổ chức hoặc chỉ phạm tội riêng lẻ. Ví dụ: một người muốn giết người khác bằng thuốc độc. Họ đã dụ dỗ một em 13 tuổi bỏ thuốc độc vào thức ăn của người mà họ định giết.

Vì người phạm tội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên người xúi giục được coi như kẻ thực hành tội phạm và hành vi phạm tội của họ vẫn bị coi là tăng nặng trong tình tiết này. Nếu người bị xúi giục là người chưa thành niên, nhưng đã đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự thì tùy thuộc vào từng trường hợp có thể là người cầm đầu hoặc chỉ là người xúi giục. Nếu người xúi giục lại phạm tội có tổ chức thì họ phải chịu cả hai tình tiết tăng nặng là phạm tội có tổ chức và xúi giục người chưa thành niên phạm tội.

Mức tăng nặng của tình tiết này phụ thuộc vào số người bị xúi giục và độ tuổi bị xúi giục.

2.2. Các tình tiết tăng nặng TNHS thuộc yếu tố chủ quan của tội phạm

Là những tình tiết phản ánh thái độ tâm lý, diễn biến tâm lý của người phạm tội trước, trong khi phạm tội có vai trò làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội

phạm. Tất nhiên, thái độ, diễn biến tâm lý phải liên quan trực tiếp đến việc thực hiện tội phạm. Các tình tiết này bao gồm:

2.2.1. Phạm tội vì động cơ đê hèn (điểm đ khoản 1 Điều 52)

Theo quy định định thì tình tiết tăng nặng TNHS “Phạm tội vì động cơ đê hèn” của BLHS năm 2015 vẫn được giữ nguyên so với các tình tiết tăng nặng TNHS của BLHS năm 1999.

Phạm tội vì động cơ đê hèn là trường hợp người phạm tội thực hiện tội phạm với động cơ rất xấu xa, thấp hèn, đáng khinh bỉ, không kể gì đến danh dự, nhân phẩm, tư cách của một con người. Động cơ phạm tội mang tính hèn nhát, bội bạc, phản trắc, ích kỷ. Phạm tội vì động cơ đê hèn chủ yếu xảy ra đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người và các tội xâm phạm đến các quyền tự do, dân chủ của công dân.

BLHS 1985 cũng quy định trường hợp phạm tội vì động cơ đê hèn là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử, các toà án chỉ áp dụng tình tiết này đối với tội giết người, còn đối với các tội khác rất ít được áp dụng, mặc dù đối với nhiều loại tội phạm khác, người phạm tội cũng vì động cơ đê hèn, nên BLHS 1999 và BLHS 2015, ngoài việc quy định tình tiết “vì động cơ đê hèn” là tình tiết định khung của một số tội phạm, còn quy định là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt.

Đối với tội giết người vì động cơ đê hèn, thực tiễn xét xử đã coi những trường hợp giết người sau đây là giết người vì động cơ đê hèn:

- Giết vợ hoặc chồng để tự do lấy vợ hoặc lấy chồng khác;
- Giết chồng để lấy vợ hoặc giết vợ để lấy chồng nạn nhân;
- Giết người tình mà biết họ đã có thai với mình để trốn tránh trách nhiệm làm cha đứa trẻ;
- Giết chủ nợ để trốn nợ;
- Giết thuê;
- Giết người để cướp của;
- Giết người là ân nhân của mình.

Trong các trường hợp trên, BLHS 1999 và BLHS 2015 đã quy định một trong số trường hợp giết người vì động cơ đê hèn mà thực tiễn đã tổng kết là các

tình tiết định khung hình phạt đối với tội giết người và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác. Ví dụ: Giết thầy giáo, cô giáo của mình; giết người thuê là tình tiết được quy định tại (điểm đ và điểm m khoản 1 Điều 93 BLHS 1999 nay là điểm đ và điểm m khoản 1 Điều 123 BLHS 2015)

Từ thực tiễn xét xử đã được tổng kết đối với tội giết người, chúng ta có thể xác định tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn đối với tội khác, tùy thuộc vào động cơ phạm tội của người phạm tội. Ví dụ: Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe đối với người tình mà biết là họ có thai với mình để ép buộc họ phá thai nhằm trốn tránh trách nhiệm làm cha đứa trẻ; hiếp dâm hoặc cưỡng dâm con của người mà mình có mâu thuẫn để trả thù.

Việc xác định động cơ đê hèn của người phạm tội phải gắn với hành vi tội phạm mà người đó thực hiện. Tính chất đê hèn không phải ở hành vi phạm tội mà ở động cơ phạm tội thuộc mặt chủ quan của cấu thành nên rất khó xác định. Do đó, khi người phạm tội không khai thật động cơ phạm tội của mình thì cần xem xét, đánh giá tất cả các tình tiết khách quan của vụ án, mối quan hệ gia đình và xã hội giữa người phạm tội với người bị hại và những người thân của người bị hại...Trên cơ sở đó mà xác định người thực hiện hành vi phạm tội thực hiện hành vi tội phạm có vì động cơ đê hèn hay không. Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ xấu xa, bội bạc, phản trắc, ích kỷ đã thúc đẩy bị cáo phạm tội.

2.2.2. Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng (điểm e khoản 1 Điều 52)

Theo quy định định của BLHS 2015 thì tình tiết tăng nặng TNHS “Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng” vẫn được giữ nguyên so với các tình tiết tăng nặng TNHS của BLHS 1999.

Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng là quyết tâm thực hiện ý định phạm tội của mình, mặc dù có sự can ngăn của người khác hoặc có những cản trở khác trong quá trình thực hiện tội phạm, thể hiện sự quyết tâm phạm tội cao, thực hiện bằng được tội phạm.

Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng là thể hiện quyết tâm phạm tội của người phạm tội, nên không phụ thuộc vào việc người phạm tội có đạt được mục đích phạm tội hay không. Có trường hợp, người phạm tội không đạt được mục đích vẫn có thể bị coi là cố tình thực hiện tội phạm đến cùng. Ví dụ: Việc cưỡng ép, đe

doạ, dụ dỗ giao cầu đổi với con riêng của vợ nhiều lần nhưng bị kiên quyết phản đối, sau đó bị cáo lừa để giao cầu bằng được nhưng bị chống trả quyết liệt và hô hoán, mọi người đến cứu nên bị cáo chưa thực hiện được hành vi giao cầu. Có trường hợp, người phạm tội có quyết tâm thực hiện tội phạm nhưng lại không phải là cố tình thực hiện tội phạm đến cùng, vì trong quá trình thực hiện tội phạm, họ không bị sự cản trở nào, hoặc sự cản trở là không đáng kể. Ví dụ: A có ý định giết B bằng cách đầu độc. A ba lần sang nhà B để bỏ thuốc độc vào bình nước nhưng có đông người nên chưa thực hiện được. Đến lần thứ tư, lợi dụng lúc B xuống bếp đun nước, A bỏ thuốc độc vào bình nước làm cho gia đình B bị ngộ độc làm 2 người tử vong.

Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào quyết tâm thực hiện tội phạm và những cản trở mà kẻ phạm tội vấp phải. Nếu quyết tâm càng cao, cản trở càng lớn mà kẻ phạm tội vẫn cố tình thực hiện tội phạm thì mức độ tăng nặng càng nhiều.

2.3. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc nhân thân người phạm tội

Những tình tiết thuộc về nhân thân người phạm tội là những tình tiết phản ánh các đặc điểm thuộc về con người phạm tội thể hiện tính nguy hiểm ít hay nhiều của người phạm tội. Xét đến đặc điểm nhân thân không có gì trái với nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật mà lại là rất cần thiết vì Tòa án xét xử một vụ án cụ thể cũng là xét xử một con người cụ thể. Hình phạt chỉ có thể hợp lý, công bằng, cũng như chỉ có thể phát huy đầy đủ các tác dụng, khi nó tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và với tính chất, mức độ nguy hiểm của bản thân người phạm tội.

Rõ ràng có những đặc điểm nhân thân liên quan hữu cơ với việc thực hiện tội phạm, nói lên mức độ nguy hiểm khác nhau của hành vi cũng như của người phạm tội, làm sáng tỏ mặt khách quan và chủ quan của tội phạm, nguyên nhân và điều kiện phạm tội, khả năng tiếp thu giáo dục, cải tạo của họ. Các tình tiết tăng nặng TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội bao gồm:

2.3.1. Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp (điểm b khoản 1 Điều 52)

Theo quy định định thì tình tiết tăng TNHS “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” của BLHS năm 2015 vẫn được giữ nguyên so với tình tiết tăng nặng TNHS của BLHS năm 1999.

Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là người phạm tội lấy việc phạm tội là nguồn sống chính cho mình.

Qua thực tiễn xét xử, có một số tội phạm, kẻ phạm tội đã lấy việc phạm tội là nguồn thu nhập chính của bản thân, nhất là đối với những tội phạm về kinh tế như tội làm hàng giả, các tội xâm phạm sở hữu... và hành vi này cần phải bị trừng trị nghiêm khắc để phòng ngừa tội phạm, do đó Quốc hội đã bổ sung tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết định khung tăng nặng của một số tội phạm.

Khi áp dụng tình tiết tăng nặng này cần nghiên cứu kỹ hướng dẫn tại mục 5 Nghị quyết số 01/2006/NQ- HĐTP là cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đó bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa được xoá án, đồng thời người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính.

Khi áp dụng tình tiết này, cần lưu ý khái niệm chuyên nghiệp ở đây không đồng nghĩa với khái niệm nghề nghiệp của một người, vì không thể coi phạm tội là một nghề kiếm sống, tính chất chuyên nghiệp của hành vi phạm tội thể hiện ở chỗ tội phạm đó được lặp đi lặp lại nhiều lần mà người phạm tội coi việc phạm tội đó là phương tiện để kiếm sống. Ví dụ: A là kẻ lang thang không nghề nghiệp, thường tụ tập một số kẻ lưu manh chuyên ở bến xe khách, thường xuyên thực hiện hành vi trộm cắp để kiếm sống. Tuy nhiên không phải hành vi phạm tội nào cứ lặp đi lặp lại nhiều lần đều coi là có tính chất chuyên nghiệp, chỉ những hành vi phạm tội khi người vi phạm nhằm mục đích kiếm sống thì mới có tính chất chuyên nghiệp.

Phạm tội nhiều lần và phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đều giống nhau ở chỗ, người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần (từ 02 lần trở lên), nhưng khác nhau ở chỗ: Phạm tội nhiều lần, người phạm tội không lấy việc phạm tội làm phương tiện sống và họ chỉ phạm một tội, nhưng tội phạm đó được thực hiện nhiều lần; còn phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, người phạm tội có thể chỉ phạm một

tội hoặc phạm nhiều tội với nhiều lần khác nhau, và lấy việc phạm tội đó làm phương tiện kiếm sống thường xuyên. Hiện nay, cũng có quan điểm cho rằng, đối với trường hợp một người chỉ phạm một tội, nhưng được thực hiện nhiều lần trong thời gian nhất định, mà hành vi đó được lặp đi lặp lại thì cũng phải coi là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp chứ không nhất thiết phải xác định người phạm tội phải lấy việc phạm tội làm phương tiện kiếm sống. Quan điểm này là chưa có cơ sở khoa học, vì cứ coi trường hợp phạm tội nhiều lần nào cũng là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì không thể lý giải được sự khác nhau giữa phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội nhiều lần.

2.3.2. Phạm tội 02 lần trở lên (điểm g khoản 1 Điều 52)

Theo quy định định thì tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” của BLHS năm 2015 đã được quy định rõ ràng số lần (02 lần) phạm tội so với tình tiết tăng nặng TNHS “phạm tội nhiều lần” tách từ điểm g, khoản 1, BLHS năm 1999 về cơ bản thì không có gì khác nhau về nội dung.

Theo tác giả Đinh Văn Quế thì "Phạm tội nhiều lần là phạm tội từ hai lần trở lên như hai lần trộm cắp, hai lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ba lần chứa mại dâm, bốn lần tham ô... và mỗi lần thực hiện hành vi đã cấu thành một tội phạm độc lập nhưng tất cả các tội phạm đó đều bị xét xử trong cùng một bản án...; Phạm tội nhiều lần là người phạm tội có nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, nhưng hành vi đó chỉ cấu thành một tội, xâm phạm đến cùng một khách thể trực tiếp và chưa đưa ra truy tố, xét xử..." [30, tr.293].

Theo tác giả Lê Văn Cẩm thì "Phạm tội nhiều lần là phạm từ hai tội trở lên mà những tội ấy được quy định tại cùng một điều luật (hoặc tại cùng một khoản của điều luật) tương ứng trong phần riêng BLHS, đồng thời đối với những tội ấy vẫn còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và người phạm tội vẫn chưa bị xét xử" [11, tr.390].

Tổng hợp các quan điểm trên: Phạm tội nhiều lần là phạm tội từ hai lần trở lên và mỗi lần thực hiện hành vi đã cấu thành một tội phạm độc lập nhưng tất cả các tội phạm đó đều bị xét xử trong cùng một bản án.

Phạm tội nhiều lần là người phạm tội có nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, nhưng hành vi đó chỉ cấu thành một tội, xâm phạm cùng một khách thể trực

tiếp và chưa được đưa ra truy tố, xét xử. Ví dụ: trường hợp biển thủ công quỹ nhiều lần để đánh đề.

Nếu nhiều lần phạm tội mà mỗi lần đó lại cấu thành tội phạm khác nhau thì không phải là phạm tội nhiều lần mà là phạm nhiều tội.

Phạm nhiều tội không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, vì khi quyết định hình phạt, toà án tổng hợp hình phạt đối với từng tội và quyết định một hình phạt chung, nếu coi trường hợp phạm nhiều tội cũng như là phạm tội nhiều lần thì tội phạm nào người phạm tội cũng bị tăng nặng, như vậy là làm bất lợi cho người phạm tội hai lần về cùng một hành vi phạm tội.

Phạm tội nhiều lần khác phạm tội liên tục ở chỗ: Phạm tội liên tục, là do một loạt hành vi phạm tội cùng loại, xảy ra kế tiếp nhau về mặt thời gian tạo thành, nhằm đạt tới mục đích phạm tội. Trong một loạt hành vi ấy, có hành vi đã là tội phạm, có hành vi chưa phải là tội phạm. Nhưng đó là tội phạm thống nhất. Ví dụ: Tội hành hạ người khác, có thể có trường hợp bị cáo phạm tội liên tục do hàng loạt những hành vi đối xử với người lệ thuộc mình, nhưng trong đó có hành vi chưa cấu thành tội phạm mà phải tổng hợp những hành vi đó thì mới là tội phạm.

Việc xác định một người phạm tội nhiều lần cần chú ý những trường hợp sau:

Nếu hành vi của người phạm tội đã bị xử lý, không kể bị xử lý bằng hình thức gì như: Đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, thì không tính lần phạm tội đó vào lần phạm tội sau để coi bị cáo phạm tội nhiều lần. Ví dụ: trường hợp một người phạm tội cố ý gây thương tích bị xử phạt vi phạm hành chính, sau đó lại phạm tội cố ý gây thương tích, bị truy tố, xét xử thì không coi là phạm tội nhiều lần.

Trường hợp hành vi phạm tội đã được Viện kiểm sát miễn tố hoặc không truy tố cùng với tội được đưa ra xét xử, hoặc tách thành một vụ án khác thì cũng không coi là phạm tội nhiều lần.

2.3.3. Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm (điểm h khoản 1 Điều 52)

Theo quy định định thì tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm” của BLHS năm 2015 được tách ra từ điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 về nội dung cơ bản thì không có gì sửa đổi.

Tái phạm: Là trường hợp đã bị kết án, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội do cố ý hoặc phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do vô ý (Khoản 1 điều 49 BLHS 1999, Khoản 1 Điều 53 BLHS 2015).

Khái niệm về tái phạm theo bộ luật hình sự 2015 có những đặc điểm sau:

Tội phạm đã bị kết án là một tội phạm bất kỳ được quy định trong Bộ luật hình sự, không nhất thiết phải là tội cùng loại, cùng tính chất với tội đang bị xét xử, không phân biệt tội đó là tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng, tội đó được thực hiện do vô ý hay cố ý.

Người phạm tội đã bị kết án là người đã bị kết án bởi toà án của nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc Toà án của nước khác mà giữa hai nước có ký hiệp định về tư pháp. Những người bị toà án Hoa Kỳ, Toà án chế độ nguy quyền kết án trước đây không bị coi là người có án tích.

Tội phạm mà người phạm tội trước đó đã bị kết án, không phân biệt họ bị áp dụng hình phạt gì trong hệ thống hình phạt, kể cả trường hợp họ được miễn hình phạt, vì miễn hình phạt cũng là bị kết án về một tội phạm nào đó nhưng vì họ có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đáng được khoan hồng đặc biệt, nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự. Quy định này hoàn toàn giống với bộ luật hình sự 1999 và BLHS 2015 chỉ quy định người phạm tội đã bị phạt tù, còn các loại hình phạt khác như cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ thì không được tính để coi lần phạm tội sau là tái phạm. Cũng do quy định như vậy nên về lý luận cũng như trong thực tiễn xét xử không lý giải được trường hợp người bị kết án tử hình chưa được thi hành thì phạm tội mới, vậy có tính để coi lần phạm tội sau khi bị kết án tử hình là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm hay không. Do đó, quy định như bộ luật hình sự 1999 và BLHS 2015 là “đã bị kết án” là khoa học và chính xác hơn.

Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm mà bị cáo đã bị xử phạt cũng như tội phạm mà bị cáo đang bị xét xử.

Tái phạm nguy hiểm: là trường hợp đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, hoặc tái phạm, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội do cố ý (điểm a, b khoản 2 Điều 49 BLHS 1999 hoặc điểm a, b khoản

2 BLHS 2015). So với trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 49 BLHS năm 1999, thì BLHS 2015 không có gì thay đổi.

Như vậy, tái phạm nguy hiểm theo BLHS 1999 hoặc BLHS 2015 có những đặc điểm sau:

Đã hai lần phạm tội đều là tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng, hoặc một trong hai lần đó là tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, trong đó có một lần đã bị kết án.

Đã tái phạm, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội do cố ý, không phân biệt đó là tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng hay tội đặc biệt nghiêm trọng.

Mức độ tăng nặng của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất tái phạm và tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm mà bị cáo thực hiện. Nếu đã tái phạm nguy hiểm mà lại tái phạm nguy hiểm nữa thì mức tăng nặng phải nhiều hơn.

Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào số lần phạm tội của bị cáo truy tố, xét xử và mức độ nghiêm trọng của tội phạm mà mỗi lần bị cáo thực hiện.

2.3.4. Có hành động xảo quyết hoặc hung hãn nhằm trốn tránh hoặc che giấu tội phạm (điểm p khoản 1 Điều 52)

Theo quy định định thì tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Có hành động xảo quyết hoặc hung hãn nhằm trốn tránh hoặc che giấu tội phạm” của BLHS năm 2015 vẫn được giữ nguyên so với tình tiết tăng nặng điểm o, khoản 1, BLHS 1999.

Hành động xảo quyết là những việc làm gian dối một cách thâm hiểm, khó mà lường thấy được.

Hành động hung hãn là kẻ phạm tội có hành vi rất dữ tợn, phá phách, đánh chết người để tẩu thoát.

Hành động xảo quyết hoặc hung hãn của bị cáo là nhằm mục đích trốn tránh, che giấu tội phạm. Những hành động này cản trở hoạt động tư pháp của cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, làm cho tội phạm mà bị cáo thực hiện khó bị phát hiện hoặc có nguy cơ khó phát hiện. Ví dụ, sau khi giết người, can phạm đã bầm vằm mặt nạn nhân làm mặt nạn nhân bị biến dạng không ai nhận ra nữa, hoặc chặt đầu nạn nhân đem cất giấu một nơi.

Mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất và mức độ xảo quyệt, hung hãn mà bị cáo thực hiện sau khi phạm tội.

Ngoài các tình tiết trên, Tòa án không được xem các tình tiết nào khác để coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt. Đây cũng là một đặc điểm khác với các tình tiết giảm nhẹ.

BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 không còn quy định tình tiết này là tình tiết tăng nặng, do đó khi quyết định hình phạt, Tòa án không được coi trường hợp đang chấp hành hình phạt mà phạm tội là tình tiết tăng nặng nữa. Việc nhà làm luật không quy định tình tiết này là tình tiết tăng nặng là hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc xử lý, bởi vì một người đang chấp hành hình phạt là người đã bị kết án, nếu phạm tội mới trong khi chấp hành hình phạt cũng tức là đã tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm, nếu lại coi là tình tiết tăng nặng nữa tức là một hành vi phạm tội phải chịu xử lý hai lần.

Kết luận chương 2

1. Nội dung chương 2, tác giả đã phân tích các tình tiết tăng nặng TNHS trong luật hình sự Việt Nam. Bao gồm các tình tiết tăng nặng TNHS chung quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS 2015.

2. Từ đó làm cơ sở để so sánh, đánh giá những điểm mới của các tình tiết tăng nặng TNHS của BLHS 2015 so với các tình tiết tăng nặng TNHS của BLHS năm 1999.

Chương 3

THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG CÔNG TÁC XÉT XỬ TẠI QUẬN LONG BIÊN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

3.1. Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong công tác xét xử tại quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Nghiên cứu 1698 bản án hình sự, tiến hành thống kê cho thấy 424 bản án hình sự sơ thẩm mà Tòa án xét xử có tình tiết tăng nặng định khung, chiếm 25,5% 100 Bản án hình sự sơ thẩm có tình tiết tăng nặng định tội (chiếm 8%). 860 bản án hình sự sơ thẩm có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chung (chiếm 51,5 %)

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được áp dụng phổ biến nhất là các tình tiết phạm tội nhiều lần được áp dụng với các tội “Trộm cắp tài sản”, “cướp giật tài sản” và các tội về ma túy, dùng hung khí nguy hiểm, phạm tội có tình chất côn đồ, tái phạm, tái phạm nguy hiểm, thường áp dụng với tội cố ý gây thương tích”. Tăng suất áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các tình tiết này chiếm hơn 60% so với các tình tiết tăng nặng TNHS khác.

Số liệu trên cho thấy thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS là khá phổ biến, phần lớn các trường hợp được áp dụng các tình tiết tăng nặng là đúng theo quy định của pháp luật hình sự. Tuy nhiên, vẫn không ít trường hợp Tòa án áp dụng chưa đúng dẫn đến việc quyết định hình phạt không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử chưa xác định đúng và đủ các tình tiết tăng nặng TNHS.

Thực tiễn xét xử, xét xử phúc thẩm và kiểm tra giám đốc cho hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thì “Sai lầm trong việc quyết định hình phạt chủ yếu là quyết định hình phạt quá nặng, hoặc cho người phạm tội hưởng án treo không đúng. Nguyên nhân của sai lầm này là do đánh giá không đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, đặc biệt là việc xác định các tình tiết tăng nặng TNHS không chính xác; quá nhấn mạnh đến thiệt

hại vật chất đã được khắc phục, mà không xem xét, đánh giá đến thiệt hại khác cho xã hội, đến yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

3.1.1. Một số kết quả đạt được trong áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Các quy định về áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS được Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn tương đối đầy đủ tại Nghị quyết 01/2006/NQ- HĐTP ngày 12/5/2006 của HĐTP TANDTC. Hàng năm, Toà án nhân dân địa phương và Toà án nhân dân tối cao đều có tổng kết, báo cáo, tập huấn cho Thẩm phán về việc áp dụng thống nhất pháp luật nói chung và các tình tiết tăng nặng TNHS nói riêng. Cho nên, về cơ bản không có sai sót gì nhiều khi áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS.

3.1.1.1. Kết quả áp dụng pháp luật trong một số trường hợp có sự đan xen giữa các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS

- Áp dụng pháp luật trong trường hợp có sự đan xen giữa tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội có tổ chức*” và tình tiết “*Phạm tội nhiều lần*”.

Khoản 3 Điều 20 BLHS quy định:

“*Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm*”.

Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 16/11/1988 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao đã hướng dẫn về các dạng biểu hiện của sự câu kết chặt chẽ để coi trường hợp phạm tội cụ thể nào đó là phạm tội có tổ chức như sau:

“*a) Những người đồng phạm đã tham gia vào một tổ chức phạm tội như: đảng phái, đoàn phản động, băng, ổ trộm, cướp... có những tên chỉ huy, cầm đầu. Tuy nhiên, cũng có khi tổ chức phạm tội không có những tên chỉ huy, cầm đầu mà chỉ là sự tập hợp những tên chuyên phạm tội đã thống nhất nhau cùng hoạt động phạm tội...*

b) Những người đồng phạm đã cùng nhau phạm tội nhiều lần theo một kế hoạch đã thống nhất trước...

c) Những người đồng phạm chỉ thực hiện tội phạm một lần nhưng đã tổ chức thực hiện tội phạm theo một kế hoạch được tính toán kỹ càng, chu đáo, có chuẩn bị phương tiện hoạt động và có khi còn chuẩn bị cả kế hoạch che giấu tội phạm...”

Như vậy, thực tiễn xét xử nước ta thừa nhận một trong những biểu hiện của phạm tội có tổ chức là những người đồng phạm cùng nhau phạm tội nhiều lần theo một kế hoạch thống nhất trước.

Vấn đề là trong trường hợp những người đồng phạm cùng nhau phạm tội nhiều lần theo một kế hoạch thống nhất trước thì chỉ áp dụng một tình tiết tăng nặng “*Phạm tội có tổ chức*” (điểm a khoản 1 Điều 48 BLHS) hay là phải áp dụng cả hai tình tiết tăng nặng “*Phạm tội có tổ chức*” và “*Phạm tội nhiều lần*” (điểm a và điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS)?

Theo chúng tôi, tình tiết “*phạm tội có tổ chức*” và tình tiết “*phạm tội nhiều lần*” mặc dù có thể có sự đan xen lẫn nhau nhưng chúng có ý nghĩa độc lập. Tình tiết “*Phạm tội nhiều lần*” chỉ cần thỏa mãn dấu hiệu phạm tội từ hai lần trở lên về cùng một loại tội và trong các lần phạm tội có ít nhất từ hai lần phạm tội mà người phạm tội chưa được miễn trách nhiệm hình sự, chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Do vậy, nếu như trường hợp những người đồng phạm phạm tội nhiều lần nhưng không theo một kế hoạch đã thống nhất trước thì chỉ áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội nhiều lần*” đối với họ, còn trường hợp những người đồng phạm đã cùng nhau phạm tội nhiều lần theo một kế hoạch thống nhất trước thì phải áp dụng cả hai tình tiết tăng nặng “*Phạm tội nhiều lần*” và “*Phạm tội có tổ chức*” đối với những người phạm tội.

- Áp dụng pháp luật trong trường hợp có sự đan xen giữa tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhiều lần” và “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”.

Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn về tình tiết tăng nặng “*Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48 BLHS. Theo đó, chỉ được phép áp dụng tình tiết “*Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” khi đã xác định được trường hợp phạm tội cụ thể có đủ hai điều kiện: Một là, người phạm tội cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm, không phân biệt đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu chưa hết thời

hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa được xoá án tích. Hai là, người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính.

Cũng theo Nghị quyết trên, tùy từng trường hợp cụ thể mà có thể áp dụng đối với người phạm tội cả tình tiết “*Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” và “*Phạm tội nhiều lần*”, thậm chí cả tình tiết “*tái phạm*” hoặc “*tái phạm nguy hiểm*” nếu trường hợp phạm tội cụ thể thỏa mãn các điều kiện đó.

Điều cần chú ý là, chỉ có thể viện dẫn cùng một lúc hai tình tiết tăng nặng “*Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” và “*Phạm tội nhiều lần*” đối với người phạm tội khi xác định được trường hợp phạm tội cụ thể nào đó vừa thỏa mãn điều kiện của “*Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” vừa thỏa mãn điều kiện “*Phạm tội nhiều lần*”, nghĩa là trong năm lần phạm tội để xác định một người thuộc trường hợp “*Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*”, ít nhất phải có hai lần phạm tội trở lên người phạm tội chưa được miễn trách nhiệm hình sự, chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

3.1.1.2. *Kết quả xác định mối quan hệ giữa các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc về nhân thân người phạm tội với các tình tiết khác thuộc về nhân thân (xấu) của người phạm tội khi quyết định hình phạt*

Nếu như khoản 2 Điều 46 BLHS quy định: “*Khi quyết định hình phạt, Toà án còn có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*” thì khoản 1 Điều 48 BLHS lại quy định: “*Chỉ các tình tiết sau đây mới là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*”. Điều này có nghĩa là ngoài quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS, Toà án có thể cân nhắc, coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, nhưng không thể coi các tình tiết khác ngoài các tình tiết đã được liệt kê tại khoản 1 Điều 48 BLHS là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Vấn đề đặt ra là, bên cạnh các tình tiết thuộc về nhân thân (xấu) của người phạm tội đã được nhà làm luật quy định là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự như “*phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*”, “*phạm tội nhiều lần*”, “*tái phạm*”, “*tái phạm nguy hiểm*” (các điểm b, g khoản 1 Điều 48), Toà án có thể cân nhắc đến các tình tiết khác thuộc về nhân thân (xấu) của người phạm tội để quyết định hình

phạt tăng nặng hơn so với những trường hợp phạm tội tương tự nhưng không có tình tiết nhân thân (xấu) đó không? Ví dụ, người phạm tội đã có tiền án nhưng không thuộc diện tái phạm, tái phạm nguy hiểm; người có hành vi vi phạm pháp luật, đã được giáo dục nhiều lần nhưng không chịu sửa chữa, sau lại phạm tội...

Chúng tôi cho rằng, theo quy định tại Điều 45 BLHS, nhân thân người phạm tội là một trong những căn cứ có ý nghĩa độc lập tương đối so với các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt. Do vậy, mặc dù các tình tiết thuộc về nhân thân (xấu) của người phạm tội không được đề cập hết tại Điều 48 BLHS nhưng Toà án vẫn phải cân nhắc để đánh giá đầy đủ mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà họ thực hiện và khả năng giáo dục cải tạo họ để quyết định hình phạt cho phù hợp.

3.1.1.3. Kết quả mối quan hệ giữa các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự với các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt

Chúng ta đều biết ý nghĩa của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội trong phạm vi một khung hình phạt so với những trường hợp phạm tội tương tự nhưng không có tình tiết giảm nhẹ đó, làm căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (giảm nhẹ hình phạt) đối với người phạm tội. Ý nghĩa của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội trong phạm vi một khung hình phạt so với các trường hợp phạm tội tương tự nhưng không có tình tiết tăng nặng đó, làm căn cứ để tăng nặng trách nhiệm hình sự (tăng nặng hình phạt) đối với người phạm tội.

Theo quy định tại Điều 45 BLHS, khi quyết định hình phạt, Toà án căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong trường hợp phạm tội không có tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự thì Toà án chỉ cần căn cứ vào các quy định của BLHS, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân người phạm tội để quyết định hình phạt. Trong trường hợp phạm tội chỉ có tình tiết giảm nhẹ mà không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì Toà án phải quyết định hình phạt đối với người phạm tội nhẹ hơn so với các trường hợp

phạm tội tương tự khác mà không có tình tiết giảm nhẹ, tùy theo số lượng và ảnh hưởng của các tình tiết giảm nhẹ mà quyết định mức độ giảm nhẹ hình phạt cho phù hợp. Trong trường hợp phạm tội chỉ có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mà không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì Tòa án phải quyết định hình phạt nặng hơn đối với người phạm tội so với các trường hợp phạm tội tương tự khác nhưng không có tình tiết tăng nặng, tùy theo số lượng và ảnh hưởng của các tình tiết tăng nặng. Trong trường hợp người phạm tội có cả tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì Tòa án phải cân nhắc đầy đủ tất cả các tình tiết giảm nhẹ và các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trên cơ sở đánh giá toàn diện các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, nếu thấy do ảnh hưởng của các tình tiết giảm nhẹ và các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đến mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội là tương đương, làm chomức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm trong trường hợp cụ thể đó tương tự với trường hợp phạm tội không có tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, thì Tòa án phải quyết định hình phạt đối với người phạm tội ở mức giống với trường hợp phạm tội không có các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong trường hợp người phạm tội có cả tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự mà khi xem xét, có căn cứ xác định ảnh hưởng của tình tiết giảm nhẹ đến mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội lớn hơn so với ảnh hưởng của tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, làm cho mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội thấp hơn so với những trường hợp tương tự khác không có tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự thì Tòa án phải quyết định hình phạt nhẹ hơn so với trường hợp phạm tội tương tự nhưng không có các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong trường hợp có căn cứ xác định ảnh hưởng của tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đến mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội lớn hơn so với ảnh hưởng của tình tiết giảm nhẹ, làm cho mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cao hơn so với những trường hợp tương tự khác không có tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự thì Tòa án phải quyết định mức hình phạt đối với người phạm tội nặng hơn so với các trường hợp phạm tội tương tự nhưng không có tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự

3.1.2. Một số sai sót, khó khăn, vướng mắc trong áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nguyên nhân

3.1.2.1. Một số sai sót, khó khăn vướng mắc về áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

- Áp dụng tình tiết tăng nặng không đúng

Là việc Tòa án ra quyết định áp dụng tình tiết tăng nặng không đúng quy định pháp luật dẫn tới việc quyết định hình phạt đối với bị cáo là nặng .

Vụ án: Nguyễn Văn Hà, phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 2 Điều 194 BLHS (Bản án số 275/2011/HSST ngày 30/9/2011): Hồi 3h15 phút ngày 12/6/2011, tại phòng hát tầng 1 quán karaoke Chợt Nhớ 2 - số 10 phố Đức Giang, Long Biên, Hà Nội, Nguyễn Văn Hà đã có hành vi tàng trữ trái phép 1,095 g ketamine là ma túy tổng hợp ở thể rắn để sử dụng thì bị bắt quả tang. Tại bản án số 273/2011/HSST ngày 30/9/2011 Tòa án nhân dân quận Long Biên đã áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194, điều 41, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự xử phạt 7 năm 6 tháng tù.

Trong vụ án trên Tòa án đã áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194 để xét xử đối với bị cáo với tình tiết tăng nặng định khung là tái phạm nguy hiểm nhưng vẫn áp dụng điểm g khoản 1 điều 48 với tình tiết tăng nặng tái phạm nguy hiểm là không đúng vì tình tiết tái phạm nguy hiểm đã được áp dụng để xét xử đối với bị cáo theo khoản 2 Điều 194 thì không được tiếp tục áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 48.

- Không áp dụng tình tiết tăng nặng

Vụ án: Trần Văn Chiêu, phạm tội: Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 BLHS (Bản án số 282/2014/HSST ngày 20/11/2014):Khoảng 1h ngày 15/7/2014, tại khu nhà trọ số 364 Ngô Gia Tự- P. Đức Giang - Long Biên - Hà Nội, Trần Văn Chiêu đã vào nhà trọ của anh Cấn Văn Dũng trộm 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Vaio màu đen trị giá 4.000.000 đồng và 230.000 đồng của anh Cấn Văn Dũng. Sau đó bị cáo tiếp tục đi sang phòng của anh Hoàng Quyết Thắng thấy có 01 điện thoại Samsung S2 màu trắng trị giá 2.500.000 đồng để trên bàn. Bị cáo đã trộm cắp chiếc điện thoại trên và đi ra ngoài thì bị bắt anh Thắng phát hiện và mọi người bắt quả tang. Tại bản án số 282/2014/HSST ngày 20/11/2014 Tòa án nhân dân quận

Long Biên đã áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p, h khoản 1 Điều 46, Điều 69; khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự xử phạt 08 tháng tù.

Trong vụ án trên Tòa án đã xét xử bị cáo về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Tòa án đã không áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần đối với bị cáo theo điểm g khoản 1 Điều 48 là không đúng. Vì trong một thời gian ngắn bị cáo đã thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản của anh Cấn Văn Dũng và anh Hoàng Quốc Thắng với giá trị tài sản mỗi lần là trên 2.000.000đ. Do đó cần phải áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần đối với bị cáo mới đúng.

Vụ án: Bản án số 394/2012/HSST ngày 13/11/2012 của Tòa án nhân dân quận Long Biên. Xét xử đối với Trịnh Đức Minh, sinh năm 1980. Trú tại: Tổ 15, Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội. Và Trần Quang Hùng, sinh năm 1995. Trú tại: Tổ 20, phường Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội. Do nghiện ma túy nên khoảng 21h ngày 12/8/2012. Minh rủ Hùng đi ra khu vực vườn hoa Gia Lâm chơi. Tại đây Minh đưa cho Hùng 100.000đ. bảo Hùng đi ra gặp một người phụ nữ đứng cách đó khoảng 200m để mua ma túy về cùng sử dụng chung. Hùng đồng ý và đi ra chỗ người phụ nữ đang đứng hỏi mua ma túy và được người phụ nữ đó đưa cho một gói nhỏ đựng trong vỏ bao thuốc lá vinataba và đút vào túi quần bên phải đi ra chỗ Minh đang chờ. Sau đó cả hai đi về phía bến xe Gia Lâm để tìm nơi sử dụng vì bị cơ quan công an bắt quả tang. Tòa án nhân dân quận Long Biên đã áp dụng khoản 1 điều 194, điểm p khoản 1 điều 46; điều 69, điều 74 của Bộ luật hình sự để xử phạt Trịnh Đức Minh (26) tháng tù và Trần Quang Hùng (18) tháng tù.

Trong vụ án này Trịnh Đức Minh đã có hành vi xúi giục Trần Quang Hùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng không áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 48 của BLHS để quyết định hình phạt đối với Minh là thiếu sót.

Một số khó khăn, vướng mắc trong áp dụng về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Các tình tiết như phạm tội đối với thầy giáo, cô giáo, ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng trong các tội như cố ý gây thương tích, giết người cho đến nay chưa được cấp có thẩm quyền hướng dẫn nên các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn còn lúng

túng. Ví dụ: Ông bà, cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ, cha mẹ nuôi...thầy, cô giáo có nhiều dạng: dạy ở trường, dạy ở nhà, dạy thêm, dạy văn hoá, dạy thể thao.... Vậy những trường hợp nào là đối tượng thuộc quy định trong BLHS.

Tình tiết phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng như đánh giá hậu quả phi vật chất thế nào, các hậu quả này có giống nhau trong mọi tội phạm hay không đang là vấn đề gây nhiều tranh cãi.

Thực tế thì tái phạm cùng tội (hoặc cùng loại tội) cố ý nguy hiểm hơn tái phạm khác tội (nhiều tội dấu hiệu tiền án, tiền sự cùng tội, cùng loại tội được coi là yếu tố định tội). Thế nhưng khi xét xử cũng không có cơ sở để tăng nặng TNHS trong những trường hợp đó. Vì vậy, có nên tách tái phạm cùng tội (hoặc cùng loại tội) cố ý riêng ra trong các quy định của BLHS với tái phạm khác tội hay không. Một vấn đề khác cũng liên quan đến tái phạm là trường hợp một người đã tái phạm, chưa được xoá án tích, lại phạm tiếp hai tội cố ý cùng lúc (tức là phạm tội này chưa bị xử lý lại phạm tội kia) thì áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm nguy hiểm cho cả hai tội hay cho một tội.

Đối với tình tiết Phạm tội có tổ chức: Để xác định mức độ cấu kết, bàn bạc thế nào thì đủ để kết luận là phạm tội có tổ chức cũng rất khó khăn, như thế nào là cấu kết chặt chẽ. Vì đây là tình tiết định khung ở khá nhiều tội nên thông thường các cơ quan tiến hành tố tụng khá thận trọng khi áp dụng tình tiết này, thường chỉ áp dụng đối với trường hợp rất rõ ràng. Việc áp dụng tình tiết phạm tội có tổ chức cũng không được thống nhất.

Tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ là tình tiết khó trong việc xác định nội dung. Có quan điểm thì cho rằng, trường hợp hành vi mang tính quyết liệt thì mới được coi là côn đồ. Quan điểm khác cho rằng hành vi mang tính liều lĩnh mới được coi là côn đồ.

Một trường hợp khác là nếu một người vừa xúi giục vừa sử dụng trẻ em (người dưới 16 tuổi) vào buôn bán ma túy thì ngoài áp dụng tình tiết tăng nặng định khung "sử dụng trẻ em vào việc phạm tội" (quy định tại điểm e khoản 2 Điều 194 BLHS) thì có áp dụng thêm tình tiết tăng nặng chung là xúi giục người chưa thành niên phạm tội hay không.

Trường hợp, tình tiết định khung không được áp dụng và tình tiết đó không được quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS thì nên có quy định cho phép Tòa án coi đó là tình tiết tăng nặng chung hay không? Ví dụ: A trộm cắp tài sản có giá trị 200 triệu đồng và có hành vi hành hung để tẩu thoát. Trong trường hợp này A phải bị xét xử theo khoản 3 Điều 138 BLHS về tội trộm cắp tài sản. Còn tình tiết tăng nặng hành hung để tẩu thoát có thể được coi là tình tiết tăng nặng chung không?

Trường hợp, khi áp dụng tình tiết tăng nặng định khung là tình tiết này có thể trùng với tình tiết định tội của tội khác. Ví dụ như trường hợp gây rối trật tự công cộng có hành vi hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng, gây tổn hại sức khỏe cho người đó 11%. Người phạm tội có phải chịu TNHS về tội gây rối trật tự công cộng với tình tiết tăng nặng định khung là hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng và tội cố ý gây thương tích hay không. Như vậy, có lợi hay không có lợi cho người phạm tội, hay là đối với trường hợp tình tiết nào đó đã là yếu tố định tội của tội này thì không nên áp dụng là tình tiết tăng nặng của tội khác. Bởi vì, *tình tiết đó đã được xét xử thành một tội riêng*[18, tr. 20 - 21].

Trong tội hiếp dâm trẻ em, trường hợp hiếp dâm trẻ em dưới 13 tuổi được coi là tình tiết tăng nặng đặc biệt và được quy định tại khoản 4 Điều 112 BLHS, nhưng mức thấp nhất của khung hình phạt lại thấp hơn ở khoản 3 (khoản 4 là 12 năm, khoản 3 là 20 năm). Vậy nếu người phạm tội hiếp dâm trẻ em dưới 13 tuổi, lại có tình tiết tăng nặng định khung ở khoản 3 thì áp dụng khoản 3 hay khoản 4 để xử phạt đối với người phạm tội). Áp dụng khoản 4 thì không được, bởi vì khoản 4 khung hình phạt nhẹ hơn khoản 3 (tội nhẹ hơn), còn nếu áp dụng khoản 3 thì lấy cơ sở nào để tăng nặng TNHS đối với người phạm tội.

Trường hợp tương tự: nếu hiếp dâm người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nhưng có một trong các tình tiết quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 111 BLHS thì áp dụng tình tiết nào để tăng nặng TNHS đối với người phạm tội.

3.1.2.2. Nguyên nhân của những sai sót, khó khăn, vướng mắc trong áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS vào thực tiễn còn gặp nhiều bất cập và hạn chế bởi nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng theo quan điểm của chúng tôi thì có một số nguyên nhân chính sau đây: Thứ nhất, các quy định của BLHS còn

bất cập, chưa hợp lý. Qua những phân tích ở các phần trên, chúng ta thấy các quy định trong BLHS phản ánh chưa đầy đủ, chưa đúng bản chất, ý nghĩa pháp lý của các tình tiết làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Do đó, dẫn đến việc quy định các tình tiết tăng nặng TNHS còn chưa đầy đủ, chưa thể hiện được hết tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, có những tình tiết lại có thể trùng nhau, để một tình tiết có thể coi là được áp dụng hai lần như phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội nhiều lần. Nhiều tình tiết lại được quy định theo lối tùy nghi dễ đến tùy tiện khi áp dụng.

Một số tình tiết có tính phổ biến nhưng lại chưa được quy định rõ trong BLHS như phạm tội có tổ chức, phạm tội có tính chất côn đồ. Do đánh giá sai ý nghĩa pháp lý của một số tình tiết tăng nặng đối với từng trường hợp cụ thể nên việc quy định tình tiết tăng nặng định khung ở một số tội chưa hợp lý dẫn đến rất khó khăn cho người áp dụng, hình phạt đối với người phạm tội có thể nhiều trường hợp không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà họ gây ra.

Kỹ thuật xây dựng các khung hình phạt tăng nặng trong một số trường hợp còn chưa khoa học dẫn đến khó áp dụng. Ví dụ: quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 111, Điều 112 - BLHS về Tội hiếp dâm và Tội hiếp dâm trẻ em chẳng hạn

Thứ hai, phần lớn các tình tiết tăng nặng đều chưa được hướng dẫn đặc biệt là các tình tiết tăng nặng định khung. Một số trường hợp trước đây đã được hướng dẫn thì nay BLHS 1999 ra đời không còn phù hợp. Một số tình tiết thì được hướng dẫn lẻ tẻ ở nhiều văn bản khác nhau, thiếu tính hệ thống. Đặc biệt, từ khi BLHS 1999 ra đời đến nay, chỉ mới có các tình tiết phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng ở chương các tội xâm phạm sở hữu được hướng dẫn. Bên cạnh đó, việc hướng dẫn của các cơ quan chức năng không phù hợp, không thể hiện đúng bản chất, nội dung của từng tình tiết tăng nặng TNHS cũng là một nguyên nhân dẫn đến tình trạng không thống nhất trong quá trình áp dụng.

Thứ ba, nguyên nhân cơ bản là trình độ nhận thức và áp dụng pháp luật của những người tiến hành tố tụng còn hạn chế và không đồng đều, dẫn đến việc áp

dụng các tình tiết tăng nặng TNHS vào thực tiễn sẽ khó khăn và không chính xác. Bởi vì các tình tiết tăng nặng không phải quy định để nghiên cứu mà là để áp dụng trên thực tế, việc áp dụng ra sao thuộc thẩm quyền của những người tiến hành tố tụng. Vì vậy, việc trình độ của những người tiến hành tố tụng còn hạn chế, không đồng đều sẽ dẫn đến một tình tiết tăng nặng nào đó sẽ được hiểu không đúng hoặc hiểu theo nhiều cách khác nhau, đặc biệt là giữa các cấp xét xử. Thực tế nhiều vụ án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng tình tiết tăng nặng nhưng cấp phúc thẩm lại cho rằng như vậy là sai, đến cấp giám đốc thẩm lại cho rằng áp dụng như cấp sơ thẩm là đúng.

Nói chung, trình độ của người tiến hành tố tụng (chủ yếu là thẩm phán, điều tra viên, kiểm sát viên) là rất quan trọng trong việc áp dụng pháp luật nói chung và tình tiết tăng nặng TNHS nói riêng. Bởi lẽ, có những loại tình tiết tăng nặng không thể hướng dẫn được. Những trường hợp đã hướng dẫn thì nội dung cũng không thể rõ ràng hoàn toàn được bởi thực tế tội phạm rất đa dạng, phong phú.

3.2. Một số kiến nghị nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

3.2.1. Tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Việc hoàn thiện pháp luật hình sự về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự xuất phát từ chính sự hạn chế, bất cập của các quy định về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Qua những phân tích trên, có thể nhìn nhận, về mặt các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999, đối với các quy định về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự vẫn còn những bất cập và những điểm chưa hợp lý, cụ thể: Thứ nhất, các quy định về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự năm 1999 phản ánh chưa đầy đủ, chưa đúng bản chất, ý nghĩa pháp lý. Thứ hai, nhiều tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự năm 1999 được quy định theo hướng tùy nghi, dẫn đến sự tùy tiện trong áp dụng chúng. Thứ ba, Một số tình tiết có tính phổ biến nhưng lại chưa được quy định rõ trong Bộ luật Hình sự năm 1999 như phạm tội có tổ chức, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội có tính chất côn đồ.... Thứ tư, ý nghĩa pháp lý của mỗi tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chưa được lượng hóa cụ thể gây khó khăn cho người áp dụng và việc

quyết định hình phạt nhiều trường hợp chưa tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Thứ năm, một số tình tiết trong thực tế cũng có ý nghĩa làm tăng tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm nhưng không được ghi nhận là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đặc biệt là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chung như lợi dụng danh nghĩa của cơ quan, tổ chức để phạm tội; xúi giục người có nhược điểm về tinh thần phạm tội... Thứ sáu, kỹ thuật xây dựng một số khung hình phạt tăng nặng trách nhiệm hình sự sử dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự còn chưa khoa học, dẫn đến khó áp dụng như các Khoản 2, 3, 3 Điều 111, 112 BLHS năm 1999. Đối với công tác hướng dẫn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cũng còn nhiều bất cập. Phần lớn các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chưa được hướng dẫn đầy đủ. Ngoài ra, về mặt nhận thức, cần phải thống nhất quan điểm về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự để làm cơ sở lý luận tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự. Theo chúng tôi, cần thống nhất cách hiểu về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, theo đó, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phải bao gồm ba loại: tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định tội (là dấu hiệu định tội nhưng trong tội phạm cùng loại nặng hơn), tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung (hay còn gọi là tình tiết định khung ở cấu thành tội phạm tăng nặng) và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chung. Cách hiểu như vậy là cần thiết và có cơ sở vững chắc như đã phân tích.

Hoàn thiện quy định về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chung. Bổ sung thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chung: lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức, cá nhân để phạm tội. Bổ sung thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chung: phạm tội có tính chất táo bạo, liều lĩnh. Bổ sung thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chung: phạm tội đối với người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất. Bổ sung thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chung: xúi giục người có nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần phạm tội. Bổ sung thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chung: Phạm tội đối với ông, bà, cha, mẹ, thầy giáo, cô giáo, người chăm sóc, giáo dục mình. Bổ sung thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chung: người phạm tội là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy.

Hoàn thiện quy định của pháp luật để hướng dẫn áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự,

cần phải sửa đổi nguyên tắc áp dụng tại Khoản 2 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Theo đó, quy định này cần phải được sửa đổi một cách rõ ràng và dễ hiểu như sau: Nếu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chung quy định tại Khoản 1 Điều này đã được áp dụng là tình tiết định tội hoặc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung hình phạt thì không áp dụng. Tuy nhiên, cần cân nhắc về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tình tiết đó để áp dụng hình phạt. Về cơ bản, hiện nay cần có một số hướng dẫn sau: Thứ nhất, đối với những tội phạm mà cộng đồng hậu quả như tội cố ý gây thương tích và hậu quả đó đã cùng khung hình phạt với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung phạm tội nhiều lần thì chỉ áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự về hậu quả, loại trừ tình tiết phạm tội nhiều lần. Thứ hai, trong một vụ án xét xử, nếu có nhiều tội danh và nhiều bị cáo, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của tội phạm nào của người nào thì được áp dụng cho tội phạm đó và người đó. Trường hợp một người phạm hai tội và cùng một tình tiết có thể áp dụng cho cả hai tội như tái phạm, tái phạm nguy hiểm... thì áp dụng đối với mỗi loại tội, không loại trừ. Thứ ba, tăng cường hướng dẫn cụ thể tình tiết phạm tội nào được áp dụng đối với tội phạm nào. Thứ tư, đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung đối với trẻ em quy định tại tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 134, tình tiết này cần được hướng dẫn là đối tượng bị bắt cóc là trẻ em (người dưới 16 tuổi). Thứ năm, trong các trường hợp cụ thể, cần có sự lượng hóa một số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự...

Đổi mới kỹ thuật lập pháp trong xây dựng pháp luật hình sự quy định về hình phạt trong trường hợp áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với những trường hợp thuật ngữ đã được Bộ luật Hình sự định nghĩa thì trong các quy định, không diễn giải lại thuật ngữ mà sử dụng ngay chính thuật ngữ để quy định như các quy định có liên quan đến tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Trong một số trường hợp cần lượng hóa mức tăng trách nhiệm hình sự đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được áp dụng.

3.2.2. Tăng cường giải thích, hướng dẫn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Để đảm bảo cho việc áp dụng thống nhất các tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định của BLHS năm 2015. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự. Các cơ quan có thẩm quyền cần tăng cường công tác hướng dẫn và giải thích các tình tiết tăng nặng cụ thể như sau:

- Các cơ tư pháp như: Bộ công an, VKSND tối cao, TAND tối cao, Bộ tư pháp, cần ban hành thông tư liên tịch về giải thích và hướng dẫn áp dụng các tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 BLHS năm 2015

- HĐTP TAND tối cao ban hành nghị quyết hướng dẫn giải thích và áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS.

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn pháp luật trên cần tuyên truyền phổ biến sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng mà đặc biệt là việc hướng dẫn áp dụng chi tiết đối với các điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán và hội thẩm nhân dân trong quá trình giải quyết các vụ án cụ thể đảm bảo tính thống nhất khách quan vô tư và chính xác trong quá trình áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS trong quá trình điều tra truy tố xét xử các vụ án.

3.2.3. Một số giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Trong thời gian tới, các cơ quan tiến hành tố tụng phải tăng cường tập huấn cho cán bộ, công chức làm công tác tố tụng về các nội dung liên quan đến tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đặc biệt, Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân quận Long Biên phải tăng cường tập huấn cho đội ngũ thẩm phán, hội thẩm nhân dân. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh thực hiện hoạt động tập huấn cho đội ngũ kiểm sát viên làm công tác kiểm sát các vụ án hình sự.

Nâng cao năng lực áp dụng pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hình sự Cần chuyên nghiệp hóa đội ngũ Thẩm phán làm công tác xét xử. Đào tạo, bồi dưỡng Thẩm phán theo hướng Thẩm phán chuyên xét xử vụ án hình sự và công việc của họ chỉ là xét xử hình sự, đặc biệt là đối với Thẩm phán của Tòa án nhân dân cấp huyện. Đối với lớp Thẩm phán hiện có, cần tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ, năng lực xét xử của họ, tập huấn

cho họ các kỹ năng xét xử mới. Đối với nguồn kế cận, tập trung ngay từ khi đang còn được đào tạo bài bản. Theo đó, đào tạo các kiến thức và kỹ năng chuyên sâu cho họ về lĩnh vực hình sự và điều hành công việc. Song song với quá trình nâng cao năng lực, phẩm chất của đội ngũ Thẩm phán thì cần phải nâng cao năng lực của đội ngũ Hội thẩm nhân dân. Đặc biệt là trong các công tác đào tạo, bồi dưỡng, công tác tuyển chọn... để có được đội ngũ Hội thẩm nhân dân hiểu biết các quy định pháp luật và am hiểu lĩnh vực hình sự và tố tụng hình sự. Cùng với đó, đội ngũ Kiểm sát viên và Điều tra viên cũng phải được nâng cao về trình độ và nhận thức, nâng cao năng lực điều tra, kiểm sát điều tra, xét xử và truy tố đối với tội phạm. Việc điều tra các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, việc đề xuất áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trách nhiệm đầu tiên thuộc về đội ngũ Điều tra viên và Kiểm sát viên. Cùng với đó, cần tăng cường tính chịu trách nhiệm và trách nhiệm đối với công việc của các chủ thể tiến hành tố tụng. Theo đó, cần xử lý nghiêm đối với các trường hợp thực hiện sai nghiệp vụ dẫn đến sai sót trong áp dụng pháp luật nói chung, áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nói riêng. Các chủ thể tiến hành tố tụng cần phải dành thời gian nghiên cứu vụ án, phát hiện và đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các cơ quan tiến hành tố tụng cần có những biện pháp phòng chống các tiêu cực tham nhũng trong hoạt động tố tụng của mình.

Nâng cao năng lực hành nghề của đội ngũ luật sư và trợ giúp viên pháp lý tham gia vụ án hình sự. Hiện nay, đội ngũ Luật sư ở Việt Nam nói chung, trên địa bàn tỉnh nói riêng vừa thiếu về số lượng vừa không đảm bảo về chất lượng. Do đó, về số lượng, trong thời gian tới cần mở rộng quy mô đào tạo Luật sư. Về chất lượng cần phải nâng cao chất lượng đào tạo theo cả về kiến thức chuyên môn cả về kỹ năng nghề nghiệp.

Kết luận chương 3

1. Nội dung chương 3 tác giả sử dụng các phương pháp tổng hợp phân tích để làm rõ thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS trong công tác xét xử tại quận Long Biên- Thành phố Hà Nội. Trên cơ sở số liệu các thống kê của TAND

quận Long Biên - thành phố Hà Nội trong 5 năm (2011 - 2015), tác giả phân tích làm rõ những ưu điểm và kết quả đạt được về lĩnh vực hoạt động này.

2. Nhìn chung việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS từ thực tiễn quận Long Biên - thành phố Hà Nội đã có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả đáng khích lệ trong việc nâng cáo trong công tác xét xử.

3. Tuy nhiên, trước những yêu cầu của cải các tư pháp, việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn quận Long Biên - thành phố Hà Nội những năm qua còn không ít những hạn chế, tồn tại, chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác xét xử hiện nay.

KẾT LUẬN

"Áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn quận Long Biên - thành phố Hà Nội" là một đề tài nghiên cứu mang tính thời sự được nhiều người quan tâm, trước yêu cầu phạm tội của lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật. "Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự" trong Luận văn được nghiên cứu một cách có hệ thống, khoa học nhằm làm rõ về khái niệm, bản chất, đặc điểm, phân loại, nội dung và vận dụng các tình tiết đó vào thực tiễn, tạo tiền đề cho việc áp dụng đúng pháp luật.

Qua việc nghiên cứu về đề tài này, cho chúng ta thấy được chính sách hình sự của Nhà nước ta có nội dung xuyên suốt là nghiêm trị kết hợp với khoan hồng. Nghiêm trị là một mặt của chính sách hình sự và các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chính là sự biểu hiện của mặt nghiêm trị, đảm bảo mức độ cưỡng chế pháp lý hình sự cần thiết cho việc cải tạo, giáo dục người phạm tội. Các tình tiết tăng nặng TNHS được quy định trong pháp luật hình sự nước ta từ trước đến nay và ngày càng được hoàn thiện. Các loại tình tiết tăng nặng TNHS được quy định trong pháp luật hình sự mang tính hệ thống, có mối quan hệ biện chứng và phạm tội tùy theo các điều kiện kinh tế xã hội, tình hình tội phạm và nhu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong từng giai đoạn.

BLHS năm 1999 quy định tương đối hoàn chỉnh, hợp lý hệ thống các tình tiết tăng nặng TNHS. Những quy định đó là cơ sở pháp lý quan trọng để cơ quan tiến hành tố tụng đấu tranh có hiệu quả với tình hình tội phạm hiện nay. Tuy nhiên, qua thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử, các quy định của BLHS cũng bộc lộ những bất cập, hạn chế gây khó khăn cho việc áp dụng hoặc áp dụng không hợp lý, hạn chế phần nào hiệu quả của hoạt động tố tụng ở nước ta.

Những bất cập, hạn chế trong thực tiễn xảy ra là do nhiều nguyên nhân khác nhau. Nhưng cơ bản vẫn là do các quy định của BLHS chưa thật hợp lý, rõ ràng về nội dung cũng như kỹ thuật thể hiện, hướng dẫn áp dụng BLHS của các cơ quan có thẩm quyền chưa kịp thời, trình độ của người áp dụng pháp luật còn hạn chế.

Khắc phục các hạn chế, bất cập nêu trên, cần có các giải pháp toàn diện, đồng bộ từ góc độ lập pháp, áp dụng pháp luật và tổ chức. Trước hết cần hoàn thiện các quy định của BLHS về cáctìnhtiếttăng nặng TNHS ở các cấp độ, tăng cường hoạt động hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy định về tình tiết tăng nặng TNHS của cơ quan có thẩm quyền và thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ của người tiến hành tố tụng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội về tổng kết công tác năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015.
2. Mai Bộ (1993), "Mấy ý kiến về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" Tạp chí Tòa án nhân dân.
3. Mai Bộ (1999) "Về việc áp dụng các tình tiết tăng nặng " Tạp chí Tòa án nhân dân.
4. Nguyễn Văn Bường (2000), "Cần nhận thức đúng về tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp "Tạp chí kiểm sát"
5. Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1985.
6. Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.
7. Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003.
8. Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015
9. Lê Cẩm, Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung Luật hình sự (Tập 1), Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2000, tr. 7 - 8.
10. Lê Cẩm và TS Trịnh Quốc Toàn, Định tội danh: Lý luận, hướng dẫn mẫu và 350 bài tập thực hành, Nxb. Đại học quốc gia - Hà Nội, 2004, tr.50
11. Lê Văn Cẩm, *Sách chuyên khảo sau đại học*, Nxb ĐHQG, Hà Nội 2005, tr. 390.
12. Đặng Xuân Đào (1995), Các tình tiết tăng nặng TNHS trong Luật Hình sự Việt Nam, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Hà Nội.
13. Đặng Xuân Đào (2000), "Một số nội dung mới của các quy định về các tình tiết giảm nhẹ tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự Việt Nam " Tạp chí Tòa án nhân dân.
14. Giáo trình luật hình sự Việt Nam, Học viện tư pháp, chương 5 trang 143, NXB Tư pháp năm 2011
15. Nguyễn Ngọc Hòa & Lê Thị Sơn. Thuật ngữ Luật hình sự. Trong sách: Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học. Trường Đại học Luật Hà Nội. NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 1999, tr.116.
16. Nguyễn Ngọc Hoà, cấu thành tội phạm, Lý luận và thực tiễn, NXB. Tư pháp Hà Nội, 2004, tr8

17. Dương Tuyết Miên. Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Bộ luật hình sự năm 1999. Tạp chí Tòa án nhân dân, số 1/2003, tr.19.
18. Lê Văn Minh (1998), “Những tình tiết là yếu tố định khung hình phạt trong Bộ luật hình sự” tạp chí Tòa án nhân dân, tr. 20 - 21
19. C. Mác - Ăng ghen (1978) tuyển tập, tập 1, NXB Sự thật, Hà Nội.
20. Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 16/11/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
21. Nghị quyết 01/2006/NQ - HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Bộ luật hình sự
22. Nghị quyết của Bộ Chính trị số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”;
23. Nghị quyết của Bộ Chính trị số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 “Về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020”.
24. Nghị quyết của Bộ Chính trị số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 “Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”.
25. Nguyễn Nông (2001), “Về tính tiết tái phạm và tái phạm nguy hiểm trong BLHS” Tạp chí Kiểm sát
26. Đỗ Ngọc Quang. Chương III - Quyết định hình phạt của Phần thứ ba. Trong sách: Giáo trình Luật hình sự Việt Nam. Trường Đại học Cảnh sát, Hà Nội, 1995, tr. 305.
27. Đỗ Ngọc Quang (1997), Phân biệt phạm tội có tổ chức và tội phạm có tổ chức” Tạp chí kiểm sát”
28. Đinh Văn Quế (1995), Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội
29. Đinh Văn Quế. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.12; Đinh Văn Quế. Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999. Phần chung. NXB thành phố Hồ Chí Minh, 2000, tr.236-237.
30. Đinh Văn Quế, *Bình luận khoa học BLHS năm 1999* (phần chung), Nxb TP. Hồ Chí Minh, 2000, tr. 293.
31. Trần Văn Sơn. Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam. Luận văn Thạc sĩ Luật học. Trường Đại học Luật Hà Nội, 1996, tr.36.

32. Trần Văn Sơn (1996), "Áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS để quyết định hình phạt" Tạp chí Tòa án nhân dân.
33. Kiều Đình Thụ. Tìm hiểu luật hình sự Việt Nam. NXB TP Hồ Chí Minh, 1998, tr.233.
34. Đoàn Minh Tuấn (1995), vận dụng tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" như thế nào?" Tạp chí Tòa án nhân dân. .
35. Trường Đại học Luật Hà Nội (2000), Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
36. Từ điển tiếng Việt trang 185 và 786 - Nhà xuất bản Đà Nẵng năm 1997
37. *Tập luật lệ về tư pháp* (1957), Bộ Tư pháp xuất bản, Hà Nội, tr. 104.
38. Trịnh Tiến Việt, Nhân thân người phạm tội - Một căn cứ cần cân nhắc khi quyết định hình phạt, Tạp chí Kiểm sát, số 1/2003, tr.22.
39. Trịnh Tiến Việt, Bàn về tình tiết tăng nặng trong việc cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt, Tạp chí Kiểm sát, số 4/2003, tr 35
40. Đào Trí Úc (chủ biên) (1993), Mô hình lý luận về Bộ luật hình sự Việt Nam (Phần chung), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
41. Đào Trí Úc (2000), Luật Hình sự Việt Nam (quyển 1 - Những vấn đề chung), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000, tr 217.
42. Nguyễn Văn, *Sau giám định: người bị hại ở tuổi trăng tròn*, Tạp chí Dân chủ & Pháp luật, số 1/2005, tr. 38
43. Võ Khánh Vinh - Phạm thư (1997) “ Định tội danh trong trường hợp phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm” tạp chí kiểm sát số 1.
44. Võ Khánh Vinh (1994), Nguyên tắc công bằng trong Luật hình sự Việt Nam, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, Tr 158.
45. Võ Khánh Vinh (1994), Nguyên tắc công bằng trong Luật hình sự Việt Nam, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, Tr 184.
46. Võ Khánh Vinh (1994), Nguyên tắc công bằng trong Luật hình sự Việt Nam, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, Tr 168.
47. Võ Khánh Vinh, Giáo trình luật hình sự - Phần chung, NXB Công an nhân dân, Hà Nội năm 2002.